

TÂY - HỒ PHAN CHÂU TRINH
— di thảo —

TÂY - HỒ và SANTÉ
Thi tập

LÊ - ẨM
sao lục

ĐÌNH CHÍNH

Trước khi đọc tập thơ này xin quý-vị độc-giả sửa hộ những chữ in sai. Thành thật cảm ơn và xin lỗi quý-vị.

TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA
6	6	đầu	đau	23	26	tây	tay	51	32	the	thê
«	13	cả cả	oã oã	29	19	đây	đâu	52	8	vay	vây
«	18	lại	lạy	31	16	hay	bay	53	7	đu	đầu
«	22	người	ngươi	32	4	vai	vôi	55	6	để	tể
7	2	Đang	đăng	36	14	cay	cây	«	7	nôm	nom
«	6	mơi	mơ	«	27	đà	đã	56	3	bay	bày
«	7	mục	nục	37	24	lướt	lượt	«	28	thử thử	thử thử
«	8	đầy	mầy	«	25	dời	dời	57	23	san	sản
«	24	khấp	khấp	40	8	đực	đực	60	4	đều	đều
«	26	Có	cổ	«	13	để	để	«	7	trốc	trốt
«	29	tất	tất	«	29	cừu	cau	«	8	Sàn	sản
				«	31	hang	hàng	«	14	vành 'cho	vành chơi
8	9	phòng	phòng	41	7	bầu	bầu	«	16	đâu	đầu
«	14	đông	dòng	«	20	gió	khó	«	17	xưa	sưa
«	16	gâm	gằm	42	13	dầy	dầy	61	4	chun	chưn
«	25	Rần	Rần	«	16	biển	biển	62	32	ghinh	dinh
«	27	đông	dòng	«	19	già	gia	64	4	chun	chưn
«	29	thụ	thủ	43	8	âm	ăm	65	6	mưa	mưa
9	13	thế, luy	thổ, luy	«	15	sự	sự	«	8	để, đầu	để đầu
10	4	vững	vững	«	18	rút	rúc	«	22	tau	tay
11	24	xót	sốt	«	27	cửa	cửa	66	7	lỗi	lời
12	7	nhá	sá	44	15	cảnh	rảnh	«	8	chen	chen
«	14	cổ	cổ	45	10	chảnh	chảnh	«	15	tùng	tùng
«	16	bầu	bầu	«	16	để	đã	«	22	hè	khe
«	25	chong	chùng	«	23	giàu	giũa	«	24	Khang	khảng
«	30	cáp	cấp	«	26	dn	d n	67	11	thiếc	thiếp
13	17	du	đầu	47	13	bây	bây	«	13	chỗ	cổ
«	20	ghéo	khéo	48	5	xún xún	xún xún	«	15	gọi	ngọi
15	30	em	cầm	50	3	trm	trầm	«	20	Đàn	Đũa
17	4	dang	danh	«	24	để	để	68	1	cóc	cốc
«	8	dành	đành	«	29	thô	thổ	«	5	cung	cưng
18	9	chập	chấp	51	12	Se se	So se	«	9	lúa	lúa
«	18	dám	đám	«	13	Se se	so se	«	15	cơm	cơm
20	25	rang	rạng	«	18	Dàn	dàn	«	24	đà	đá
22	9	bờn	hờn	«	21	tây	tay	69	6	Ăn	ăn

TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA
«	14	đến sau	bến sâu	«	18	thấy	thây	«	17	lung	lưng
71	6	dầu	dầu	90	2+1	dấy	đấy	103	21	nhóm	lóm
72	14	lung	lưng	90	6	treo, đương	cheo rương	104	8	côi	coi
73	4	dầu	dầu	«	16	bay	bai	105	4	nẽ	nề
74	7	Ơ	Ờ	«	21	treo	cheo	«	17	tôn	tỏn
«	12	chực	chực	91	15	đúng	đứng	106	1	dài	dầy
«	21	sử	tử	«	16	nổi	nổi	«	15	ná	tá
«	22	cậy	quậy	«	26	đâu	đầu	107	5	chót	trót
75	8	lo đã	Lộ cả	92	22	hàng, sào	hang, xào	«	8	giỗn	giởn
«	16	chưa	chừa	93	11	hờ	hơ	«	16	đậy	dậy
76	6	Ờ	Ồ	«	28	chóp	chóp	108	6	xanh	xinh
77	13	khuây	khuấy	94	23	đào	dào	«	24	rẻ	đẻ
«	27	cời	cời	95	5	siên	xiên	109	11	kiết	chiết
78	3	đung	rung	«	9	tê tê	tê tê	«	15	chừa	churn
«	11	giúi	giúi	«	10	thạch	chạch	110	6	chưa	churn
«	13	nhọa	dọa	«	13	liêm	liêm	«	7	dầu, tôn	dầu, tòm
«	14	mày	may	«	18	lãng lạng	lãng lạng	«	23	thiên	thiến
«	15	trăng	trắng	«	24	lên	nên	111	18	lân	lần
«	16	thời	Hời	96	8	qua	qua	112	9	nh u	nhầu
«	17	Rút	Phút	«	13	sơ	xơ	«	18	đ u	đầu
79	3	miếng	miếng	«	16	cơ	cò				
«	8	tốp	tốt	«	23	lên	nên				
«	13	vấy	vấy	97	4	đùng	đùng				
«	15	vành	bìa	«	5	ngáy	ngáy				
«	16	hơi	hởi	«	23	để	để				
«	22	cúp	cúc	98	5	hớ hết	hời hợt				
80	11	« sót »	Ông	99	5	hỏi lẽo	lời lẽo				
«	17	bầy	bầy	«	16	Bầu xinh	Tròn vin				
«	20	gian	giàn	«	21	Lên	nên				
82	14	bên	bèn	«	23	ái, lên	ai, nên				
«	18	Sông	Bông	100	12	trông	trong				
«	23	cá, dày	cá, dày	«	15	vũng	vưng				
83	16	quang	quảng	«	16	lấy, rung	nấy, khôn				
«	23	ngủ	ngủ	«	22	đuôi	đuối				
«	29	thương	thượng	101	5	khánh	khách				
84	15	trước	trực	«	7	để	để				
85	28	theo	heo	«	23	kẻ	kệ				
88	6	ý	ỷ	«	27	dù	dầu				
«	7	thân	thần	«	28	nhưng	nhường				
«	9	xấy	sấy	102	1-2	quyển	quyền				
89	8	quen	quên	«	27	quan	con				
«	9	xuấy	xoáy	103	11	vái	vải				
«	15	ối	ói	«	14	nhớ	nhờ				

NHỮNG LỜI GIỚI THIỆU

CUÔNG TÂY-HỒ và XÃN-TÊ Thi tập là di cảo của nhà Cách-mạng Duy-Tân Phan chu Trình Tiên-sinh, bút hiệu Tây-Hồ mà khắp nước Việt ta ai cũng nghe tiếng.

Ra chào đời năm 1872 tại làng Tây-Lộc, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; dù thi đỗ Cử nhân (1900), Phó bảng (1901), để có chút danh vọng với đời còn đương ham chuộng khoa cử, nhưng Tiên sinh vẫn nuôi một bầu tâm huyết cách mệnh duy tân, vì nhận thấy thời cuộc rối reng không đổi mới không thể sinh tồn với thời mới được. Bắt đầu từ năm 1905 Tiên sinh quyết tâm từ chức Thừa chỉ (Ngũ phẩm) Bộ Lễ ở Triều đình Huế, để hướng theo con đường Cách mạng. Rồi từ đó ra Bắc, vào Nam, qua Trung-Hoa, Nhật-Bản (1906). Sau khi gặp Phan Sào-Nam Tiên sinh ở Thượng-Hải, ở Đông-Kinh, hai nhà cách mạng mới quyết định phân công hoạt động :

Sào Nam Tiên sinh chủ trương chính sách võ lực, thời hoạt động ở Hải ngoại, Tây-Hồ Tiên sinh chủ trương chính sách duy-tân thì hoạt động ở quốc nội.

Khi trở về nước, Tây-Hồ Tiên sinh liền đi diễn thuyết cách mạng duy tân ở Đông-Kinh Nghĩa-Thực, ở Hội Duy Tân Quảng-Nam, dưới con mắt căm thù của Pháp thực dân và Việt quan lại. Năm 1908 nhân cuộc kháng thuế của đồng bào Nam, Ngãi, Nghệ, Tĩnh, nhà cách mạng Tây-Hồ cũng chịu chung hoạn nạn với các đồng chí, phần đông là nhà Nho khắp Trung, Nam, Bắc đều bị đày ra đảo Côn Lôn.

Đến năm 1911, vì Hội Nhân-Quyền can thiệp, tòa án Pháp ở Mỹ-Tho tuyên bố trả lại tự do; rồi mấy tháng sau, Tiên Sinh được qua Pháp cư trú để hoạt động trên đất tự do. Chẳng may cuộc chiến tranh Đức, Pháp xảy ra (1914), Tiên Sinh lại bị bắt giam vào ngục Xãn-tê (Santé) vì Pháp nghi là gián điệp của Đức. Hội nhân-quyền lại cương

quyết bệnh vực, nên một lần nữa, Tiên Sinh lại được hưởng đời sống tự do (1915). Trong 14 năm hoạt động ở Pháp, Tiên Sinh đã nổi tiếng là một nhà ái quốc rất can đảm với những thành tích đáng ghi (như bức thư gửi cho Liên-hiệp-quốc đòi quyền tự quyết cho nước Việt-Nam 1918, và bức thư trách vua Khải-Định khi qua thăm Chính phủ Pháp 1922). Trở về Tổ quốc năm 1925, Tiên Sinh lưu trú ở Saigon, có tổ chức hai cuộc diễn thuyết về chính thể dân chủ và đạo đức Đông, Tây rất được dư luận hoan nghênh. Sức tranh đấu đã quá mỏi mệt, Tiên Sinh dù nằm trên giường bệnh, vẫn lưu tâm đến vận mệnh nước nhà. Khi nghe tin người bạn đồng tâm, Phan Sào Nam Tiên Sinh đã được Toàn Quyền Varenne (thuộc đảng Xã Hội Pháp) ký giấy ân xá (24-12-1925) Tiên Sinh liền ra khỏi giường bệnh, viết bức tâm thư tỏ nỗi cảm hoài, và hứa sẽ gặp nhau bàn tính việc nước. Nhưng than ôi ! Trời chẳng chiều người, nhà cách mạng duy tân Phan Tây Hồ Tiên Sinh đã từ giả cõi trần hồi 9 giờ sáng ngày 24-3-1926, chỉ để lại một kỷ niệm đau thương, cùng một số văn thơ bị hùng lưu truyền bất hủ.

Tập thơ được giới thiệu này chính bà Phan-thị-Liên, con gái của Tiên Sinh, vợ ông giáo sư Lê-Âm, đứng tên xin phép xuất bản rồi trao cho Hội Không-Học Việt Nam nhận việc phát hành, vì bà là giòong giòng nhà Nho, vẫn có lòng tôn sùng Không-Giáo.

Mấy lời chân thành xin giới thiệu cùng Quý Vị độc giả thân mến.

THANH CHÂU NGUYỄN TRÁC





TÂY HỒ PHAN CHU
TRINH DI THẢO

Tây hồ thi tập và Santé thi tập

TIÊU DẪN

Cụ Tây-Hồ làm thơ đề tỏ chí mình. Thơ bằng Hán-văn có, Việt-văn có. Lúc ở Paris trong trận Đại chiến 1914-1918, nhưn cụ hoạt động chống chánh sách thuộc địa của Pháp ở Việt-Nam, bọn thực dân thù ghét, vu cáo Cụ thông với Đức, Cụ bị bắt giam từ tháng 9 1914 đến tháng 7-1915, tại nhà ngục Xăn-tê (Santé).

Trong ngục, Cụ chép lại những bài thi đã làm từ trước, đề tên là « TÂY-HỒ THI TẬP ». Lại làm thêm nhiều bài khác, phần nhiều lấy lục ngữ nước nhà làm đề, đề tên là « SANTÉ THI TẬP ». Cụ cũng đã chú thích cả.

Nay chúng tôi kính sao lại những bài thi quốc văn đề cống hiến chư độc giả. Những lời chú thích riêng của chúng tôi thì ghi rõ « người sao lục ».

Nay kính ghi—Người sao lục
LÊ - ÂM

I.— TÂY HỒ THI TẬP

CỜ TƯỚNG (Năm Ất-tị ở Phan-thiết)

Một ông tướng lác đứng trong cung,
Sĩ tượng khoanh tay chẳng vẫy vùng ;
Pháo giở hai cây nằm dưới góc,
Tốt đầu năm chú đứng bên sông ;
Lờ khờ cặp ngựa đi tam cổ
Lạc xạc đôi xe chạy tứ tung :
Đương cuộc ai xui mê đến thế.
Họa là tiên xuống giúp cho cùng !

HÁT BỘI (Năm Giáp-thìn)

Đồng la trống chiến đánh vang rày,
Cờ cờ coi ra cũng lữ này ;
Ba lão kếp già ngồi vetch mỗ,
Mấy thằng hiệu đói đứng khoanh tay ;
Áo xiêm lượt thướt tuồng anh khách,
Dùi gậy nghênh ngang khác chú tây ;
Lại kiếm ít đồng rồi rượu thối,
Hết, còn nhà chủ biết gì đây.

ĐÈN SÁP

Trăm nhời nghìn nấn tính không hoi,
Đèn sáp khen người khéo gieo giai !
Giữ chặt mỗi tim trong mấy tấc,
Lăn tròn cái xác biết bao ngoi.
Cháy đầu bởi đồ cơn tam tể,
Nóng ruột càng thêm sự sáng soi.
Mở cửa vì đâu nên gió lọt,
Trót đêm nhỏ giọt tỏ cùng ai ?

AN GỎI SANH CẨM

Đang tay bắt đặng cá con con.
Ăn gỏi sanh cẩm quả rất ngon.
Vật vả trên tay tươi rói rói,
Đưa ngay vào miệng cắn giòn giòn.
Chanh chua hòa với rau mọi nui,
Mắm mực lộn cùng chuối chất non.
Đầy dĩa sa cơ về kiếp ấy,
Tau cho một miếng rồi linh hồn.

CHỈ THÀNH THÔNG THÁNH THI

*(Bằng chữ Hán tại Bình Định mượn đề trường
thi làm đề cò động) (Người chép lại diễn nôm)*

Ngảnh mặt giang sơn luống sững sờ !
Anh hùng rầu rĩ khóc người xưa.
Muôn dân nô lệ cường quyền mạnh,
Tám vẻ văn chương giấc ngủ mơ.
Dày mặt mĩa mai đành chịu mãi.
Thoát thân trời buộc biết bao giờ ?
Người ta ai cũng tâm can thế,
Nghĩ đến văn này đã thắm chưa ?

CHỈ THÀNH THÔNG THÁNH THI

(nguyên văn)

Thế sự hồi đầu dĩ nhứt không,
Giang sơn vô lụy khắp anh hùng.
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cổ văn chương thụ mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa mạ,
Bất tri hà nhứt xuất lao lung,
Chư quân vị tất vô tâm huyết,
Bằng hướng tư văn khán nhứt thông.

VỘNG-PHU-THẠCH

(Ở Bình-Định)

Vận : không, chồng, trồng, phóng, lòng.

Sự tám mươi đời biết có không.
Người chăng ? hay đá ? vợ chăng ? chồng ?
Đi đâu nên nỗi quên tin tức ?
Đứng đó bao giờ luống đợi trông ?
Tu vậy hay sao đầu trụi lủi ?
Khóc chi lắm hử ? mặt phồng phồng.
Trời cao bể rộng người còn mất ?
Biết nặng hòn non, nhẹ cái lòng.

CẨM TÁC

(Lúc ở Phan-Thiết, 1905)

Gió, tố, đông, mưa đổ lộn phèo,
Trời già chi nở thất khi eo,
Gập mũi trung hiếu nên cay đắng,
Dở túi văn chương đã mốc meo,
Bọn điểm lãng xăng lo chợ cháy,
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo,
Non cao bể rộng mệnh mỏng cả,
Mặc sức bơi chơi, mặc sức trôi.

HỌA BÀI THI Ở. TRƯƠNG-GIA-MÔ

Mưa giầm ai gọi ? nắng ai dang ?
Sức nhớ ông Chi (1) khóc đạo đàn.
Rắn mắt dò chơi then Tạo-hóa ;
Sẵn vai nhấc thử gánh giang sơn,
Gió đông nước cũ lòng nhưng bận,
Cây cỏ non tiên dạ những màng.
Cuộc ngoại hởi nào người quốc-thụ,
Hơn thua một nước dễ ai hoàn.

(1) Cao-Sơn-Chánh-Chi người Đảng Duy-Tân bên Nhật-bản.

XUẤT ĐÔ MÔN

(Ra cửa Kinh-đô)

(Năm 1908, Cụ bị kết án đày Côn Lôn, khi ra cửa thành Huế cố ngâm bài thơ bằng hán văn, cụ Huỳnh-Thúc-Kháng dịch ra quốc văn như sau : (Người sao lục)

Xiềng sắt lang thang ra cửa đông,
Ngâm nga ngọng hát lười còn không ?
Giống nòi mòn mỏi non sông đắm,
Ai dễ Côn-Lôn ngã tấm lòng ?

NGUYỄN VĂN

Luy luy thiết tỏa xuất đô-môn,
Khảng khái bi ca thiết thượng tồn.
Quốc thể trăm luân dân tộc luy,
Nam nhi hà sự phạ Côn-Lôn !

TRỒNG ĐÀO

(Làm ở Côn-Lôn năm Đinh-Vi)

Nước non hàng họ vẫn quanh đây.
Đem giống đào tiên thử đất này.
Nhảy tưng đâm bông rồi kết quả,
Ai ăn xin nhớ kẻ trồng cây.

ĐÀO CÔN LÔN

(Năm Đinh-Vi)

Bơ vơ nước cũ biển ra cồn
Ai ngơ còn đây chút núi non !
Gành lở rạch hai vùng Quế-hải (1)
Chó gà riêng một cụm Đào-nguyên.
Bốn mùa hoa quả quên sưu thuế (2)
Một nắm giang sơn đủ đại khôn (3)
Cả thầy anh em đừng bực bội,
Chẳng gan chưa dễ tới Côn-Lôn.

(1) Biển nước Nam ta Tàu gọi là Quê-Hải, vì trước ta nhập về với Quận Quê-Lâm. (2) Ở Côn Lôn còn một làng được vài mươi dân, ruộng nương không đánh thuế, có tội chỉ cứ đuổi lẩn về trong đất. (3) Nước ta bắt câu tội gì, từ ăn cướp ăn trộm cho đến quốc sự cũng đày ra đó.

ĐẢO CÔN-LÔN

(Bài thứ hai)

Tang thương dòi dãi mấy thu đông,
Cụm núi Côn-Lôn đứng vững trong.
Bốn mặt giày vò oai sóng gió,
Một mình che chở tội non sông.
Cỏ hoa đất nẩy cây trăm thức,
Rồng cá trời riêng biển một vùng.
Nước thăm non xanh thiêng chẳng hề ?
Gian nan xin hộ bước anh hùng.

ĐẬP ĐÁ

(Làm ở Côn Lôn năm Đinh Vĩ)

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lẩy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đồng,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quân thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lở bước,
Gian nan chi kể sự con con.

NÓI LÁO

(Dụng nguyên vận bài :
«Tống Từ Thứ quy Tào »)

Nói láo ai tin sự trứng voi,
Láo cho có sách mới ra mời.
Nhỏ phăng cánh phụng vanh nên quạ,
Bẻ trước sừng lân tiện được còi.
Hậu-Nghệ bắn trời xương lút sỏ,
Thỉ-Hoàng đánh đá máu theo roi.
Không tin hỏi thử ông Bành-Tổ,
Chẳng thiệt xin đoan ngọc mấy thoi.

CU NGOÀI TRÁCH CU TRONG

(lúc ở Mỹ-Tho)

Dạ chuột lòng chim găm chả xong,
Nghĩ ra mà gớm chú cu trong !
Đã hay ghét chác giây gù gáy,
Cũng phải thương nhau nhấm máu lòng.
Trót bước vô vòng xoang lấy lưới,
Còn đem cả ổ giùm vào lồng.
Nước ve lúa nhấm bao nhiêu đó ?
Độc miệng nào ai có kể công.

CU TRONG HỌA LẠI

(Ở Mỹ-Tho)

Sa chân sẩy bước trót vào trong,
Nương náu tay người phải găng công.
Lưới rập vì dẫu sanh máy móc,
Gáy gù đành chịu tiếng không lòng.
Nhảy bay mặc đó đừng khua mỏ,
Xa lạ chi đây nó biết lồng.
Nòi giống thương nhau tăng mấy thuở,
Điều gà thịt chó thầy tha vung.

THỨ VẬN TẶNG KÝ PHÚ

Gió bụi xông pha kiếm một thỉnh,
Tới đây nghĩ đã lắm công trình.
Thành xưa giấu xót lau đời cùm,
Nước cũ tro tàn liễu mấy dinh.
Cám cảnh trăm năm đành để dạ,
Chào nhau một tiếng gọi là tình.
Mấy lời vàng đá lòng ghi tạc,
Bao quân thân này chút tí danh.

TẶNG ẨM BẢY CƯỚI VỢ

(Năm Canh-Tuất ở Mỹ-Tho, Bài I)

Tiếng quẻn lâu Tần vắng vắng nghe.
Nôm na gởi tặng bạn cò kè.
Đất Phan sấm dậy trăm phong pháo,
Chợ Lớn mây đưa mấy lạng xe.
Cậu đã nên nhà mừng quá nhá
Trai mà có vợ sướng hung hê,
Cho hay son phấn nồng hơn lửa,
Mềm ruột anh hùng đẩy lăm nhe ?

TẶNG ẨM BẢY CƯỚI VỢ

(Bài II)

Thử vàng chọn đá bấy nhiêu lâu.
Kiếm chút chi chi bỏ cổ dầu.
Trái khắp bông thơm chừng bướm môi,
Bay vừa giềo tốt chác ong bầu.
Xoang tay Bá-Nhạc khôn lăm ngựa,
Liếc mắt Bào-Đình chẳng thấy trâu
Ai mới mừng ai ta cũ rếch
Mím cười lại nhớ chuyện dâu dâu.

TẶNG ẨM BẢY CƯỚI VỢ

(Bài III)

Cá nước bây giờ thỏa ước ao.
Nghĩ đôi năm trước vẫn tầm phào,
Thành Bàn lặn dận người chong bóng,
Cửa Bé trơ trơ kẻ cấm sào.
Ngỡ chú chác gan không bận bịu,
Đỡ ai thấy sắc chẳng thêu thào,
Làm trai phải biết mùi bông đuốc.
Lén lút ra chi sự cấp đào.

TẶNG ẤM BÀY CƯỚI VỢ

(Bài IV)

Lừa lọc khen cho khách cỡi rồng,
Tình xuân nấn ná để đêm đông.
Bồng đường giấc tỉnh trăng chưa xế,
Rượu cúc hơi khuây được vãn hồng,
Vàng gióng ngàn thoi đà đúng giá,
Gươm mài trăm bận dễ hoài công.
Người đời lịch duyệt khôn là thế,
Tắc bóng so đo chớ bỏ không.

TẶNG ẤM BÀY CƯỚI VỢ

(Bài V)

Gái sưa trai mãng sượng lắm thay !
Phong lưu chuyện ấy gấm chi tày,
Vỡ lòng còn thẹn tường nâng chén,
Ngợ ngón chưa quen thú vẽ mày.
Ướt dầm dầu tây thơm ngát mũi,
Láng xầy lạnh bắc mát ru tay !
Anh em nói vậy thì hay vậy.
Chớ hờ cho ai ghé lá lay.

TẶNG ẤM BÀY CƯỚI VỢ

(Bài VI)

Phong tình thôi bớt sự lãng nhãng.
Thương chút lòng ai phải nói năng.
Đã biết chơi hoa khi mới nở
Cho hay uốn trúc thuở còn măng,
Sau lưng Bồ-Tát khôn nương bóng,
Dưới ngọn Ma Cò phải cần răng.
Có nhắm mũi đời cho chín chắn,
Tiếng sư đừng để thói lung lãng.

TẶNG TÚ NGHỊ CƯỚI VỢ

(Bài I)

Trách móc gì tôi ngài hỡi ngài !
Cời rỗng cời cộp biết mừng ai ?
Chim khôn phải lựa nơi cảnh tốt,
Cá rẻ đừng ham buổi chợ mai.
Bến cũ một hai còn lắm liễu,
Vườn quê ba bảy thiếu gì mai.
Trăm năm dầu tính đàng tơ tóc,
Bươi chải cho hay chớ bóc chài.

TẶNG TÚ NGHỊ CƯỚI VỢ

(Bài II)

Bóc chài sao được ở ngài ơi !
Đầu tóc xanh xanh mấy chục rồi ?
Xuân dạng bao nhiêu giàu dạng mấy ?
Chim còn có cặp cá còn đôi.
Đen vàng cời ký chờ đâu đấy ?
Đỏ trắng đèn chương chán lắm thôi.
Mừng cũng mừng thăm thương phải nói,
Xin ai chớ trách móc gì tôi.

THỨ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài I)

Nức tiếng hương quê đã mấy năm,
Xa xôi chi' đó nữa mà làm.
Trái mai hỡi tiết vừa ba bảy ;
Tơ liễu so tài dạng bốn năm.
Khép cửa còn chờ trang bán sẻ,
Cách tường chưa gặp buổi rơi trâm.
Chim xanh khéo mở đường qua lại,
Vẳng vẳng bên sông mấy tiếng cầm.

THỨ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài II)

Trải kiếp tro Tần sáu chục năm,
Khôn trang nữ kiệt chí không lằm.
Vân chương canh cử tài nên một,
Ý chí mây râu đạo vẹn năm.
Thêu dệt chưa nhường tay vẽ phụng,
Kén lửa còn đợi khách trao trâm.
Dầu ai sẵn có lòng tri kỷ,
Nghe thử Tương Như nấy khúc cầm.

THỨ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài III)

Non sông một gánh nặng quanh năm,
Giữ chặt mình ta dấn lối lằm.
Đất khách ngõ ngang cơn gối chiếc,
Lòng quê bạn biệt lúc canh năm.
Ngư-Câu gieo lá tình hòa mực,
Bạch-Tuyết xem thi bút bén trâm,
Tâm sự đòi lời xin nhắn hỏi :
« Biết ai chẳng nhẽ bạn nghe cầm. »

THỨ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài IV)

Biển trời lừng lẫy bấy nhiêu năm,
Son phấn ham chi sự lỗi lằm.
Tiếc đứng tài tình còn lẻ chơ,
Xui lòng thất thạc bạn ba năm.
Mắt xanh vẫn biết trang đề lá.
Tay trắng khôn toan nổi chịu trâm.
Vĩ dẫu thuyền tình chưa phải bến,
Gặp nhau thôi cũng bạn thi cầm.

PHỤC LỤC NGUYỄN VẬN

Đất trời lũi thúi thảng rồi năm,
Nghieu thuẩn người xưa mới khỏi làm.
Trương liễu mơ màng câu đức bốn,
Cửa quê lần lựa cái hàng năm.
Sấm ra bến ngự dòng gieo lá,
Hổ với sân rồng kẻ gồ trâm.
Thảng mảng sách sy theo bốn phận,
Nghien tai đầu hãn khúc hoang cầm.

HIỀN THÊ

(Vận : lờ, mờ, lo, cho, trò)
(hạn mỗi câu có 1 vị thuộc Bắc)

Chàng tách « thiên môn » thiệp đứng lò,
Giám khuyển « quân tử » khéo tì mờ,
Chỉ « cam-thảo » mẹ vâng lời dạy.
Tân « khổ qua » ngày giữ phận lo,
« Viễn-chí » chưa đèn đành gắng mãi.
Đương qui đừng gỏi mới hay cho,
« Huyền-hồ » thỏa đặt lòng trai trẻ,
Đến lúc « hồi hương » mặc chuyện trò.

QUA TÂY LƯU TẶNG NƯỚC NHÀ

Làm trai trót gánh gánh giang san,
Dám nài xa xuôi bỏ giữa đàng.
Coi lại chỉ còn ba tấc lưỡi,
Trải qua đã nát mấy buồng gan.
Tách dương Ấn-Độ nhì thiên hạ,
Lên tháp Paris nhất thế gian.
Mượn bút Tương-Như đề mấy chữ,
Thân này đành phú với giang san.

ĐIỀU Ô. TÚ TÀI CHIỀU

(Lúc ở Paris, bài thứ 1)

Xây vắn một cuộc biển nên còn,
Đồ Chiều đang thớm tiếng hỏi đồn.
Huyết lệ trăm dòng đau tổ-quốc,
Văn-chương một mạch rặng my môn.
Lòng son còn có non sông tạc,
Nét mực chưa dành cô bụi chôn.
Ông khóc người xưa tôi khóc trả,
Mơi bài gọi chút nghĩa chiều hồn.

Bài thứ 2

Hồn nước trăm câu khóc quỷ thần,
Suối vàng khôn thẹn mặt tướng quân.
Thú dương mảnh đá bia hiền sĩ,
Sơn trại câu thi giọng nghĩa dân.
Mưa máu còn kêu hồn vọng đế,
Héo gan vì khóc kẻ trung thần.
Anh hùng kết cuộc chưa đành vậy,
Chưa xót cho ai một chữ « truân ».

Bài thứ 3

Truân hanh tráo chác mấy trăm lần,
Thương hại người ngay nặng mấy thân.
Khóc núi khóc sông sầu lã chã,
Lo trời lo bể dạ băng khuâng.
Đành cơ tạo hóa chưa rời kiếp,
Cái nợ nam nhi phải xí phần.
Sáu tỉnh cỏ hoa rầy quạnh vắng,
Xót người một gánh nặng quân thân.

Bài thứ 4

Gánh nặng quân thần nặng mấy vai.
Biết đem gan ruột gởi vào ai ?
Mắt còn vẫn giữ lòng đeo đuổi,
Thua được không sờn miệng mĩa mai.
Thút mụt non sông tơ một sợi,
Vẽ vờ trung nghĩa bút trăm ngòi.
Đền khuya rượu giả ngâm đòi giọng,
Giọt lệ câu thi chấp vắn dài

Bài thứ 5

Vắn dài thôi có trách chi vua.
Cuộc thế còn nhiều nỗi được thua.
Trăm việc mơ màng trong giấc mộng,
Một tay chống chọi giữa trường đua.
Gặp sông tranh cạnh khôn cô chú,
Vót kiếp trầm-luân thiếu diệu bùa.
Mấy tiếng kêu trời nghe đã thấu,
Ai ra làm chứng dám phân bua.

Bài thứ 6

Phân bua thiên hạ hỏi thương lòng.
Cái nợ non sông quyết gỡ xong,
Ngậm đá biển Đông chìm hết sức
Trông mây trời hạ lúa khô đồng,
Đêm dài Nịnh-Thích khôn mong sáng,
Xuân lại Nghiêu-Phu đã chắc đông.
Sùi sụt nhớ người cày ruộng cảnh
Lờ mờ bụi lấp dấu Gò-Công.

Bài thứ 7

Công danh cuộc mới ngó chàng ràng.
Trăm họ còn lo chút lăm than.
Cây cỏ ngậm ngùi tình cổ thổ,
Ngựa xe thay đổi dạng tân quan,
Cuộc đời lượn sóng cao, cao, thấp,
Trường lợi chùm mây hiệp, hiệp, tan.
Hạc tách lâu không mây bắt ngát,
Núi sông trơ dấy có ai toan.

Bài thứ 8

Toan sao đừng thẹn với cao sâu.
Chí sĩ xưa nay túi bạc đầu,
Nước mắt Trường-Sa khăn chẳng ráo,
Câu văn Sơ Tá bút khôn thâu.
Bể sàu mù mịt cây toan lấp,
Trời rách toang loang đá sắp khô.
Giọt máu trung thành rơi đã khắp,
Hội này chưa dễ gặp người đâu.

Bài thứ 9

Đâu đâu rày đã biết người chăng ?
Giọt lệ thương quê nhỏ khó khăn
Trọn vẹn đã đành thần bạch-bích ;
Gièm pha bao quản tiếng thanh nhăng.
Chết đành theo mã Viên-Sùng-Hoán,
Sống hởi ngâm thi Đỗ-thiếu-Lăng.
Đau đớn vì ai trời đất biết,
Cuộc đời sắp ngựa hởi còn dằng.

Bài thứ 10

Dần vật sao cho khỏi hội này !
Một thân nam bắc lại đông tây.
Nước cò đã bí mong toan gỡ ;
Giắc ngủ đương ngon giờ khuấy rầy.
Chiều chít càng thương gà mất mẹ,
Lao nhao chi sá cáo thành bày.
Ở người chín tuổi thiêng chằng nhẽ ?
Một nén tâm hương hỏi biết đây !

KHI CÁ ĂN KIẾN, KHI KIẾN ĂN CÁ

An trả nợ đời gẫm quá mau ;
Hai anh « kiến » « cá » khéo mầy tau !
Ngập đầu ổ lụt khi tràn nước,
Khô vầy thây phơi lúc cạn bàu.
Đó đã vui xưa chưa bữa khác,
Đây dầu mắt trước được mùa sau.
Đất còn giông lụt trời còn nắng (1)
Lên xuống lâu ngày phải gặp nhau (2)

THƠ TIỀN CÔNG TỬ NGUYỄN VĨ HỌC THÀNH VỀ NƯỚC

(1913 tại Pháp)

Xúp-lê một tiếng ruỗi chiều hôm,
Vội vã xin đưa ít chữ nôm.
Đất khách chia tay ba chén rượu,
Thối nhà rang mặt một thanh gươm.
Bảy năm gắng gổ công đèn sách,
Chín chữ đèn bời nợ áo cơm.
Áo gấm ban ngày thêm rạng vẻ,
Bể khơi muôn dặm chúc xuôi buồm.

(1, 2) Trời sầm giông lụt thì kiến chạy lên, trời sầm hạn thì cá đi xuống.

(Không thấy đề và mất hai câu sau)

Anh biết cho chăng hỏi Dã-Hàn ? (1)
Thình lình sóng dậy cửa Nha-Trang-
Lời nguyện trời đất còn ghi tạc,
Giọt máu non sông đã chảy tràn.
Tình-Vệ nghìn năm hờn khó dứt ?
Đỗ-Quyên muôn kiếp oán chưa tan.

(Không thấy đề)

Há dám cru chi kiếp má hồng,
Kén chăng là kén khách anh hùng.
Trời cao bể rộng dầu bay nháy,
Nước bích non xanh thú vầy vùng.
Nghìn lượng dễ mua tài Tống-Ngọc,
Trăm năm khó cắt án Lương Hồng,
Tấm lòng băng tuyết thề trời đất,
Chẳng đáng mảy râu chẳng gọi « chông »

(Không thấy đề)

Con cháu Hồng-Bàng then lấm thay !
Non sông đặng mấy kẻ râu mày !
Túi cơm giá áo loàng xoàng vậy,
Gối tóc lưng tôi lúc nhúc đây.
Trót đã chết lòng cùng đất nước,
Sao cho mở mặt với cao dày.
Trời Nam biển Quế nào ai đó ?
Bến nước mười hai bờ kiếp này.

(1) Dã-Hàn là biệt hiệu Cụ Trần-quý-Cáp, cụ cũng hiệu là Thai-Xuyên và Thích-Phu (Người sao lục kính ghi).

THI XƯA (mười bài)

I

Việc chi van vái với ai đây ?
Cắc có sao người đến thế này ?
Biển rộng mặc dầu cho cá nhảy,
Trời cao chưa dễ hẹp chân mây.
Tìm thầy học đạo còn mong thuở,
Kiếm chủ thuê công dễ mấy ngày.
Trai nọ lệch mồm bợn méo miệng,
Chê bai thôi bớt giọng thầy lay.

II

Thầy lay nên mới mắc danh dơ,
Cũng bởi mình cuu việc bá vợ.
Nước đục chưa chi cò ước mếu,
Sông trong đâu đó hạc toan chờ ?
Vững chân thà để thiêu nhà phở,
Ướt mặt làm thêm bí nước cò.
Đất cát ông cha còn để đấy,
Vì ai xui giục mới nên ngờ.

III

Nói nên ngờ ngác dễ tan tành,
Cắc có xe dây trở buộc mình.
Múa miệng còn đời câu đạo nghĩa,
Cúi đầu thêm thẹn tiếng trâm anh.
Nỡ lòng đá ném cơn sa giếng,
Tốt mặt bìm leo lúc ngã thành.
Vậy cũng xằng vãng thầy thợ mãi,
Lợi còn chẳng biết, biết gì danh.

I V

Danh lợi đua bơi một lũ hoang.
Cũng lo việc nước góm ghê càng.
Bất hùm ngoài nội chê rằng láo,
Dạy khỉ trên cây thể mới ngoan.
Quái nổi chắt đầy quân mặt bạc,
Làm cho bể nát cái âu vàng.
Thôi đừng khôn khéo, thôi đừng giỏi.
Trong ống dòm beo dễ một khoang.

V

Một khoang trông thấy gọi rằng khôn,
Đéo ỏ tao đây chấp cả phồn.
Giã cáo giềnh giăng hơi mượn cớ,
Bất gà lếu láo thói quen chồn.
Gánh vàng khôn cậy quang sồn gié,
Khát nước đừng mong ẩm lũng tròn.
Sách ấy trò này thêm khuấy rối,
Cũng đành đốt hất, cũng nên chồn.

V I

Nên chôn cho rảnh lũ tan nhà,
Sống khuấy hồi tuồng gấm xấu xa.
Nếu muốn mang râu mang cả cớ,
Sao không hỏi trẻ hỏi ông già ?
Đồng xương nghĩa sĩ đòi lần chết,
Giọt lụy anh hùng lắm lúc sa.
Phải đặt đồng tây nâng vạc ngã,
Non sông may cũng họa chăng là.

VII

Họa chẳng là việc dễ toan lo,
Quái gỡ tường chi khéo vẽ trò.
Muộn tiếng ham rồng toan lều lảo,
Dương thầy nuôi cạp hết so đo.
Quân nhu Mao - Sát thương ngàn khẩu,
Dân-ước Lư-Thoa sách một pho.
Trôi máu vắt thầy thề đất nước,
Lòng người đã muốn ắt trời cho.

VIII

Muốn ắt trời cho cũng hỏi người,
Để đâu trau chuốt việc mua cươi.
Ếch ngồi đáy giếng nên khinh mặt,
Chim sảy ra lồng dám dễ người.
Tuyết mặc dầu cửa tùng vẫn cứng,
Sương bao nhiêu nhuộm cúc thêm tươi.
Dời non tát bể chưa rằng khó,
Mấy tỉnh con con dễ mấy mười.

IX

Mấy mười ta hỏi chó xăn vằn.
Cạp tới nhà đây thế phải ngăn,
Xúm lại kinh tay ra sức chống,
Thôi đừng trây máu kẻ phần ăn.
Xoang mưu Trí-Bá thành chưa ngập,
Hết sức Ngưu - Công núi phải bằng.
Người định hơn trời nghe đã chắc,
Xưa nay lẽ ấy vẫn hằng hằng.

X

Hằng hằng xin giữ vẹn lòng ngay.
Bạc bèo như ai chứa đáng thầy.
Đây đó nhỏ to hai lỗ miệng,
Mai chiều sắp ngửa một bàn tay.
Cọp còn để đói quơ đuôi ngoắt,
Chim đã ăn no chớp cánh bay.
Tốt miệng đâu ra đôi chối thử,
Việc chi van vái với ai đây ?

LẠI Y VẬN MƯỜI BÀI

I

Than thở lời ai hỏi để đây,
Trăm năm hầu để tỏ lòng này.
Sóng cao cá ngớp giương vi lợi,
Ngày túi chim đành mỗi cánh bay.
Tiếc bấy tài cao chưa gặp thuở,
Hiềm vì khí vẫn nở mua ngày.
Chín sông dầu có lòng tinh-vệ,
Nghe thử mười bài miệng lá lay.

II

Lá lay dầu nở khéo bươi dơ,
Há phải như ai lữ vẫn vơ.
Nước đục mặc dầu cò ngã ngón.
Nhà thiêu trời kệ én trần trờ.
Nên hư đành chắc đôi lời sấm.
Cao thấp ăn thua một nước cờ.
Muôn dặm Châu-âu thân lặn lội,
« Dân quyền » hai chữ dễ làm ngo.

III

Ngơ ngác vì ta vụng tập tành
Xe dây mình trở buộc vào mình,
Ngang tàng đã kém trang đầu bút,
Khảng khái còn đâu thói thỉnh anh.
Pha giễu pha trò voi úp thúng,
Hồ lơ hồ giựt sứa qua màn nh.
Người đui ngựa quáng ao sâu vác,
Lăn lóc còn ôm túi lợi danh.

IV

Lợi danh nên nổi mới tan hoang.
Nghĩ tới đời con túi lại càng !
Lên núi bắt hùm ngbè đã lão,
Rung cây nhát khỉ chước còn ngoan.
Xé vai còn mong khi lành vạt,
Ăn cám sao quên sự trả vàng.
Mất mẹ bây giờ chịu chút đày,
Biết đâu hay dở dám khoe khoang.

V

Khoe khoang chưa dễ biết ai khôn,
Vấn chạch dài lươn cũng một phần.
Rắn mắt nở nào thêm cánh cộp ;
Hỏi lòng còn lắm thẹn đầu chồn.
Âu vàng đã bể khôn tìm mảnh,
Chén ngọc tuy xinh tiếc lũng tròn.
Có thảo chẳng ai xin chút thuốc,
Chết rồi chưa dễ thiếu người chồn.

VI

Người chôn kẻ bói khuấy hoang nhà,
Nào thấy ai đâu tính nổi xa.
Mới biết nhiều thầy ma dễ thúì,
Cũng vì đồng mẹ gái nên già.
Láng giềng còn lắm tay rân rât,
Giòng giống thêm buồn nổi sút sa.
Lửa nóng dấm chua đâu đã chắc,
Gởi thân sao khéo tính lân la.

VII

Lân la như thế gọi rằng lo,
Thương hại cho ai lắm chuyện trò.
Trải chiều đẹp dơ nên lúng túng,
Chặt tay dứt độc phải so đo.
Hơn thua rút lại cờ không nước.
Cú cập vì chưng kiệu lũng pho.
Vận bĩ ở trong trời cũng có,
Chút lòng cay đắng cũng tin cho.

VIII

Tin cho thời vận tiếc cho người,
Đâu nữ trêu nhau sự cợt cười.
Hai chục kỷ rồi chưa mở mắt,
Sáu mươi năm trước dám trêu người.
Đêm khuya nguyệt lặn nên sao tỏ,
Nắng hóp hoa tàn dựa nước tươi.
Phải trái qua loa thôi xóa cả.
Hồ đồ bao quản việc mười mười.

I V

Mười mươi xúm xít luống xăn vắn,
Rắn lộn nào ai tính thế ngẩn ?
Láo liến chuột bầy thua chuột lắt,
Chàng ràng trâu cột ghét trâu ăn.
Ngu - Công hết cháu non nên sùng,
Tinh - vệ còn thân nước phải bằng.
Gánh nặng đàng xa đâu nở bỏ,
Làm trai trước phải giữ lòng hằng.

X

Phải giữ lòng hằng mới thảo ngay,
Bệnh người còn vương thích làm thầy.
Tìm nơi học đạo nên khoe mặt,
Kiếm chốn thuê công khéo xứng tay.
Gai góc khó dung churen phụng đậu,
Mù tăm thà bắt cánh hồng bay.
Đĩ già biết kiếp tu thì muộn,
Than thở lời ai hỏi để đây.



II.— SANTÉ THI TẬP

Từ tháng 9-1914 đến tháng 7-1915, Cụ bị bọn thuộc địa vu cáo, bị bắt giam lại Paris, trước nhất ở khám Dépôt, sau đem qua ngục Santé. Ba bài thi số 1, 2, 3, này chép theo truyền văn, không có trong di thảo.

(NGƯỜI SAO LỤC)

I) VÀO KHÁM ĐỀ - PÔ

Truyền đem giam lại khám Đề-Pô,
Xám, trắng, vàng, đen, lẫn một bờ.
Quân cướp ! Quân hoang ! rằng : bậy bạ,
Đứa ôm, đứa đánh, lường hồ đồ.
Thù hiềm chi lắm làm nên nổi !
Xui dục vì ai khuấy quá lờ ?
Pháp luật văn minh đâu mất cả ?
Chỉ thừa sách vở lường trâu bò !

II) VÀO NGỤC XANG - TÊ

Ba năm trải thú khắp Pa . ri,
Lao ngục chưa hề biết tử ti.
Sự thiếu vì đây bày buộc tới ?
Thân thừa còn dám oán hờn chi !
Một ngày dùng bữa hai lần xúp (soupe)
Ba đứa chia nhau một ổ mì,
Tám kiếp trâu già chi sợ ách,
Ngồi buồn lác vế cứ ngâm thi !

III) VÀO NGỤC XANG - TÊ

Từ ấy giam luôn mấy tháng tròn,
Nhờ trời ngủ kỹ lại ăn ngon,
Ngày hai lần xức coi còn đói,
Đêm chín giờ ngời ngáy vẫn đòn.
Mỗi bữa nửa giờ ra hóng mát,
Một tuần hai bận xuống thăm con ;
Vui buồn mình biết lòng mình vậy,
Miễn trả cho rồi nợ nước non.

MỘT TRÁI TRĂNG THU CHÍN LỒM LOM (1)

Vì ai ngày tháng giữ bom bom ?
Để trái trăng thu chín lồm lom.
Cuống ẩn mây lan tròn úc úc,
Màu ngời nước biếc đỏ lồm lom.
Hương trời thơm ngát người ao ước,
Sắc nước trong veo chúng ngại òm.
Nhón với thang mây ta hái thử
Ấy kia thằng cuội chó xom rom !

QUẠ ẼN DƯA BẮT CỒ PHƠI NẰNG

Trác tréo khen ai khéo vẽ trò,
Ẽn dưa là quạ bắt phơi cồ !
Lom khom dưới đám lông đen phách,
Căng thẳng ngoài sân cánh trắng mờ.
Ấy bời khá mềm khôn tránh trút,
Hay vì dài mỏ vụng đôi co.
Lâu ngày thế mãi òm dây luống (2).
Cồ chết thây cồ quạ ních no.

VỪA SẮP BÁN VƯỜN ĐÃ ẼI XUỐNG GIẾNG

Bán vườn rồi giếng để thêm thừa,
Sẵn dịp còn ta ỉa cũng vừa,
Ở mấy ngày thôi thầy mặc cả,
Uống dàu Đấy nửa giỏ tròn bừa.
Sạch dơ trời mặc thầy nhà mới,
Trong đục cần chi bến nước xưa.
Thối tục so đo càng nhóp nhúa,
Ởn nguồn ai đã nhớ cho chưa ?

- (1) Câu thi của nàng Hồ-xuân-Hương vịnh thu nguyệt.
(2) Đời nhà Đường có ông Lý-Bí vịnh thi trồng dưa rằng :
« Nhứt trích sử qua hảo, tái trích sử qua hy, tam trích
do vi khả, tứ trích bảo mạng quy » nghĩa là : một hái
để dưa tốt, hai hái để dưa sưa, ba hái còn khá khá,
bốn hái òm dây bừa.
(3) Sách tàu : âm tuyến tứ nguyên : uống nước nhớ nguồn.

CON GÁI BẾN NƯỚC MƯƠI HAI

Phậ gái xưa nay vẫn thiệt thòi.
Lênh đênh bến nước đủ mười hai.
Ông tơ dẫu mỗi nguồn trong đục,
Bà mụ cho duyên số chẵn chòi (1)
Một chiếc thuyền tình không kén bạn (2)
Trăm năm khách quán biết nhờ ai ? (3)
Cấm sào đợi nước khôn lừa lọc,
Đưa đón đừng quen thói vãi chài.

CHƯA ĐẬU ÔNG NGHÈ, DÃ ĐE HÀNG TỒNG

Thế gian lắm kẻ chữa ông nghèo,
Hàng lồng mai chiều đã thấy đe.
Ba giáp đề tên còn hồng hèo,
Mấy làng chung hạt chực hăm he.
Cọp rồng có thuở nghèo ngao đầy, (4).
Gà vịt nào hay sấm sủa nhe !
Thói xấu xưa nay bía miệng thế,
Các ngài áo mảo lông tai nghe.

NGHÈ CỐNG TỚI NHÀ, CHẲNG GÀ THÌ VỊT

Lạ chi nghèo cống tới nhà ta,
Đã tới đâu sao khỏi vịt gà.
Tai quái rước chi tuồng áo mảo, (5)
Rượu chè thế phải lựa tơ già. (6)
Vênh vang cho thỏa lòng ông cụ,
Chiu chít thêm buồn nỗi mẹ cha. (7)
Sung sướng phước đời dành phước cả,
Nở nào chó cắn ní con ra ! (8).

1) Mười hai mụ bà mười ba mụ bóng. (2) Linh đình một chiếc thuyền tình, mười hai bến nước gọi mình vào đâu
3) Sách Tàu : Nhơn sanh giả thiên địa chi quá khách : loài người là khách đi đường trời đất. 4) Bàng cọp rồng là bàng tần sĩ (Long hô bàng). 5) Nhà bay tai vịt tai gà, năm ba ông cộng tới nhà thì mua 6) Vịt già gà tơ. 7) Cha gà mẹ vịt chít chiu. (8) Khi vui thì vỗ thì về, dènh khi chó cắn lại kẻ con ra.

VOI NGỰA VỀ TÀU CỨT ĐÁI ĐỀ DÂY

Bao nhiêu thua sút tự xưa nay,
Vui ngựa về Tàu cứt đái đây.
Rằm rột bánh yên Nam cổng sạch,
Nghênh ngang khai thúí Bắc thừa đây.
Người sang thêm rục oai vua chúa,
Mình yếu nên cam phận tớ đây.
Bia miệng dễ đời đau đón nhẽ.
Rửa sao sạch tiếng nước dơ này ?

ĐỒNG TIỀN LIỀN VỚI RUỘT

Nấn đúc khen ai khéo để tiền,
Làm cho thiên hạ ruột nên liền,
Thịt xương sống thác nhờ nhi dĩ, (1)
Máu mủ thân hơi dính tự nhiên.
Anh (2) nếu sa tay thà chết cỏ, (3)
Thần (4) còn chiều mạng chả chơi tiền. (5)
Kề kề một túi vai mạng nặng, (6)
Nước lã người dưng cũng quuyến riêng.

1) Nhục bạch cốt nhi sanh từ nhơn : xương trắng làm cho có thịt lại. Người chết làm cho sống lại, là nói ơn nghĩa nặng lắm. Lại có bài phú thần đồng tiền rằng : sinh khả sử sát, tử khả sử hoạt ; phàm kim chi nhơn, quý tiến nhi dĩ : nghĩa là sống khá bảo thác, thác khá bảo sống; người đời nay quý tiền mà thôi. Câu thi đó là hóa hai điển làm một.

2) Bài phú thần tiền gọi tiền là « Không huynh » : anh có lỗi.

3) Mắt đồng tiền kiếm chết bụi cỏ

4) Bài phú thần tiền : Tài thần chiều mạng : tiền cũng có thần.

5) Chơi tiền không bằng giỡn tiền.

6) Vai mang túi bạc lẻ kề, nói quây nói quá người nghe râm râm.

ĐƯỢC BUỒI CỎ, LỖ BUỒI CÀY.

Sắp ngựa cuộc đời mặc rủi may,
Lỗ cày được cỏ vẫn xưa nay.
Vừa châu thịt cá cho đầy túi,
Bỏ luống công trâu mất nửa ngày.
Khó nổi chia thân theo tắc bóng, (1)
Khôn vừa lỗ miệng bận hai tay. (2)
Từ sau cò bác ai mời cỏ,
Xin hơi chờ tôi lúc thả cày.

DÀI MỎ KHÓ KIỂM ĂN

Mỏ dài một lủ đứng cần rần !
Vì nó nên tau khó kiểm ăn !
Hơn tắc già phân trơ giạt giạt, (3)
Gáp đầu trật đảy chất thần lần. (4)
Nhọc nhằn, chim chích, không vừa miệng, (5)
Đá đập, bầu câu, phải cắn răng. (6)
Vạc ồm đã đành, cò chả béo, (7)
Nhờ trời nước đục để xung xăng. (8)

- 1) Sách Tây Du nói ông Tể Thiên Đại-Thánh có phép chia thân ; trong một lúc đi được đôi ba chỗ, làm được năm ba việc.
- 2) Nhứt khẩu luy thiên kim : một lỗ miệng làm khó hai tay.
- 3) Xứ tôi kêu con chim giạt giạt; có chỗ kêu mỏ nhát. Tiếng tục nói : trơ mỏ nhát, vì mình nó nhỏ mà mỏ dài.
- 4) Con thạch sùng, xứ tôi kêu con thần lần, ở Bắc kêu là con lười mồi ; còn xứ tôi kêu con bốn cẳng bằng con rắn mồi, thì người Bắc lại kêu là con lần.
- 5) Chim chích mà ghẹo ông Nông, đến khi nó mỏ lạy ông tôi chưa.
- 6) Bỏ nông ngã sập, bầu câu đá đập
- 7, 8) Đục nước béo cò.

NƯỚC, VUA

Xưa nay gọi nước của vua rồi,
Sống thác nên hư bỏ mặc đời,
Nước vốn ông cha chung khoảnh đất,
Vua là chủ tịch của đương thời.
Chùa làng không dễ sự quơ sạch,
Ruộng tổ nên nhường trưởng kỳ thôi.
Hiếu đặng nghĩa đen hai chữ ấy,
Trăm năm còn tỏ nghĩa vua tôi.

ANH EM LÀ RUỘT LÀ RÀ

Vợ chớng thân thiết nghĩa cùng già,
Phải biết anh em vốn ruột rà.
Hai cái quần bông thường dính chất (1)
Một đùm máu mủ khó lòi ra.
Tay khùng không nở dao cùn cắt, (2)
Da lộn nên đem thịt bỏ ra. (3)
Trên gối lấm người tai mỏng mẽo, (4)
Làm cho rở ngổ lại chia nhà.

VỢ CHỒNG NHƯ ÁO, CỎI RA THÌ RỜI.

Uổng vậy câu này uống quá thời !
Vợ chổng như áo cỏi thì rời,
Kết đôi kết lứa rằng trăm tuổi,
Mớ cặp mớ ba chỉ một thời.
Kẻ chán người ưa còn lấm khách,
Mai thay chiều đổi biết bao ngày.
Lòng đời bạc bẽo tình xương thịt,
Nên nổi người xưa ví mấy lời.

- 1) Ba gác giao huy : anh em như bông công dính nhau thêm sáng.
- 2) Ai cạy dao cắt ruột cho đàn.
- 3) Thịt bỏ ra da bỏ vào.
- 4) Châm đầu tề ngữ : Vợ chổng nói nhỏ trên gối.

HỌC THẦY KHÔNG TÂY HỌC BẠN

Học bạn thì nên tự thừa nay,
Học thầy so lại gẫm không tày.
Lạnh lùng cửa tuyết lời khôn cạn, (1)
Ấm áp nhà lan dạ dễ bày. (2)
Thợ cả chỉ cho khuôn rập sẵn, (3)
Vai ngang càng lăm kén tơ dày. (4)
Những người tuổi trẻ khôn so sánh,
Lựa bạn nên chăm trước lựa thầy.

LUẬN VUA TÔI.

Năm luân đứng trước nghĩa vua tôi,
Trên dưới từ xưa sẵn định ngôi.
Thống trị cầm quyền thay mặt nước,
Khuôn tương ra sức đỡ tay trời.
Ừ, ờ Thuần Võ cơn trò chuyện ; (5)
Mời mọc Thương Châu lúc đứng ngồi. (6)
Cao thấp vì ai, phân quá bậc ?
Lạt như nước lã, đục như vôi !

LUẬN CHA CON.

Năm luân trọng nhất đạo cha con,
Từ hiếu hai bên phải vẹn tròn.
Che chở trăm đàng xuân ấm cỏ,
Báo đền muôn kiếp đất bồi non.
Cha nào ép trẻ con vay trả,
Con nỡ lìa già lúc yếu gion.
Đan dặt vì ai, thêm quá lẽ,
Làm cho mắt cả tấm lòng son.

- 1) Sách Tàu : Ông Dương-Thì học với ông Trình, đứng hầu trước cửa, tuyết xuống hơn thước mà chưa chẳng rời một tấc, người thời sau gọi nghĩa thầy trò rằng : Trình môn lập tuyết. 2) Giữ thiện nhưn cư, như nhập chi lan chi thất, ở với người lành như vào nhà lan thơm. 3) Đại tượng giữ nhưn dĩ quy củ, bất năng sử nhưn xảo : thợ cả cho người khuôn rập, không làm cho người khéo được. 4) Tình anh em bạn sách Tàu gọi là tơ kén, Tiềm ta nói: chày ngày dầy kén. 5) Đời Đường Ngu vua Thuần vua Võ, vua tôi nói chuyện với nhau, ừ ờ như người nhà 6) Đời nhà Thương, nhà Châu, quan lớn vào chầu, vua mời ngồi.

LUẬN ANH EM

Năm luân thứ giữa đạo anh em,
Kính mến hai bên phải vẹn tình.
Lớn nhỏ nhường nhau tre mới vững,
Cuồng bèn dính chắc búp thên xinh.
Lạ lòng ! tuổi bé tay nâng nịu,
Trắt treó ! thấy to nước lạnh tanh.
Vì đạo vợ chồng đang lỗi nhịp,
Làm cho luân ấy cũng xiêu mình !

LUẬN VỢ CHỒNG

Thứ bốn năm luân đạo vợ chồng,
Trăm năm thề ước hẹn non sông.
Chim đôi cá cặp cùng vui vẻ,
Gió kép mưa đơn dễ cạy cùng.
Nhà cửa trong ngoài nương dựa chắc,
Anh em cha mẹ kính nhường chung.
Tiền tài ngày nặng, ân tình bạc,
Còn mắt luân này có cũng không !

LUẬN BẠN BÈU

Năm luân đứng dưới bạn cùng bầu,
Tin kính hai đàng chứa dễ đầu.
Lừa lọc trăm lần vàng thử chắc,
Hẹn hò một tiếng biển ghi sâu.
Phải đầu tửu nhục vui qua miệng,
Cùng gọi chỉ lan mộng đỡ đầu.
Bạc bèo lòng người xương thịt nát,
Thương ôi luân ấy mất đà lâu !

ĐẠO VUA

Xưa nay khó nhút đạo làm vua,
Tài đức gồm hai thể mới vừa.
Gánh nặng đàng xa khôn tránh trút,
Ngồi cao té nặng dám thừa ư.
Chủ tàu khó nổi trông buồm lái,
Sải vãi từng thêm đóng cửa chùa.
Chuộng sĩ yêu hiền quên thế vị,
Lánh xa đệ nhút tiếng a dua.

ĐẠO TÔI

Xưa nay khó nửa đạo làm tôi,
Yêu nước thương vua vẹn cả đời.
Trắng treo gìn lòng trong tợ tuyết,
Phanh phui bỏ thói bạc như vôi.
Đánh chung hòa mặt mang ơn nước,
Tro bụi liêu thân trả nợ đời.
Đất cát ông cha chung để lại,
Nở nào mượn lốt để ăn chơi.

ĐẠO CHA

Thế gian khó nhút đạo làm cha,
Trước phải lo sao sạch thói nhà.
Khuôn rập để in từ thuở bé,
Méo tròn làm mẫu bởi mình ta.
Nguồn trong lướt ít dòng thêm sạch,
Nêu vạy dơi đầu bóng cũng tà.
Mẹ cú con tiên chưa mấy thuở,
Rời ra trách thiện lại là xa.

ĐẠO MẸ

Con thì cha dạy vốn không sai,
Từ mẫu công lao cũng sánh vai.
Bé cậy ẵm bồng hay tập tành,
Trẻ nhờ phước đức mới nên tài.
Rau nào sâu nấy từng trông chắc,
Cú đẻ tiền sa dễ mấy ai ?
Khôn dại đục trong mình chuốc cả,
Dạy con xin dạy thuở trong thai. (1)

ĐẠO CON

Kể chi cho biết đạo làm con,
Báo bổ xin chăm lúc sống còn.
Hùm dữ nỡ rào ăn thịt trẻ,
Quạ lành còn biết sún mồi ngon.
Giàu mâm cá thịt thêm vang vẻ,
Khó miếng rau canh cũng vẹn tròn.
Cá giá, nằm đông, ai ép uống,
Thảo chẳng thêm chút tý lòng son.

ĐẠO ANH

Thế gian nặng trĩu đạo làm anh,
Thường biến hai bên phải rõ ràng.
Cha mẹ còn trên êm thứ lớp,
Cửa nhà lâm biến phải quyền hành.
Coi em như trẻ đừng thiên vị,
Thị của tày tro chớ ghe ganh.
Những tiếng kẻ tai xin vớt sạch,
Trước sau cho trọn nghĩa hiền lành.

1) Sách Tàu có chữ thai giáo, là nói mẹ phải ăn ở hiền lành, truyền tích lớp lại cho con, ấy là nghĩa dạy từ thuở trong thai.

ĐẠO EM

Đạo em kính thuận phải ghi sâu,
Thường biển so đo đủ mọi câu.
Cha mẹ còn trên thờ gác cánh,
Cửa nhà lâm biển để tà đầu.
Trăm bề rủi phải thua đôi thí,
Một nhịn càng thêm tốt cả bầu.
Tiền của làm ra, xương thịt khó,
Kề tai mấy tiếng vút đầu đầu.

ĐẠO CHỒNG

Làm trai phải biết đạo làm chồng,
Dạy vợ từ khi tiệc rạng dòng.
Khiến đó khiến đây bày đủ nết,
Tiếng to tiếng nhỏ chạm vào lòng.
Của tiền dầu mỡ tay khoan nhặt,
Nhan sắc bao nhiêu bụng vững trông.
Vàng đá trăm năm chung giữ chắc,
Mây râu đừng thẹn tiếng đàn ông.

ĐẠO VỢ

Đạo vợ xưa nay có dễ đâu,
Dở hay từ thuở mới làm dâu.
Trên còn cha mẹ nên nhường nhịn,
Dưới có anh em cũng bạn bầu.
Mình cần so đo thêm lúng túng,
Người khôn cần kẻ ít câu mâu.
Cửa nhà êm ấm chồng danh tiếng,
Lịch sự cho mình lịch sự đâu.

ĐẠO VỢ CHỒNG

Phải biết xưa nay đạo vợ chồng,
Xương tủy đừng chuốc tiếng hư không.
Chồng khôn dạy vợ khi thơ ấu,
Vợ giỏi nhường chồng đám đảo dòng.
Cha mẹ chịu lòng chồng về lỗi
Anh em xoi móc vợ chứa lòng.
Trăm phần tình nghĩa mười phần đức,
Vàng đá trăm năm vẹn chữ đồng.

ĐẠO BẠN BÀU

Đá vàng trước đã thử trăm vòng,
Một tiếng thề nhau phải giữ trong.
Cá thúi xa hơi, lan để nhuộm, (1)
Rượu nồng bỏ thối, nước thêm trong (2).
Nền hư khôn đại nhờ trăm nổi,
Sống chết lèn sang giữ một lòng. (3)
Nước lã rồi thâm hơi máu mủ,
Năm luân đừng thẹn đứng vào trong.

NHỨT SỸ

Nước ta nhứt sỹ bởi sao phân,
Danh vọng bao nhiêu gánh cũng cân.
Đức hạnh vẹn toàn thay đạo giáo,
Kinh luân gồm đủ giúp vua dân.
Phải đâu áo mào khoe hàng họ,
Đặng đến xuân thu xí cổ phần?
Ai có ham danh xin nhớ nghĩa,
Hớ hênh sục cả dưới hang Tần.

- 1) Giữ thiện hơn giao như nhập chi lan chi thất, giữ ác hơn cư như nhập bào ngư chi tặc cửu tất giữ chi cửu hóa hỷ: ở với người lành như vào nhà chi lan thơm, ở với người dữ như vào hang cá bào ngư thúi, lâu ngày cùng hóa quen cả thơm thúi, cũng ví như anh em bạn. 2) Quân tử chi giao đạm như thủy, tiểu nhân chi giao cam như lệ: Quân-Tử làm bạn như nước lã, lạt mà được lâu, tiểu nhân làm bạn như rượu nồng, ngọt mà mau phai. (3) Nhứt từ nhứt sanh nãi kiến giao tình nhứt quý nhứt tiện, giao tình nãi hiện: sống thác hay là sang hèn, cảnh ngộ có thay đổi mới biết lòng bạn.

HAI NÔNG

Giúp đỡ loài người chắc một vai,
Thối nông thuần hậu gấm không sai.
Cơm n'là áo vợ tùy theo thuở,
Của ruộng công trâu chẳng cướp ai.
Lợi đất ít nhiều nhờ cấy gặt,
Bầu trời no đói cấy chiều mai.
Quê cha đất tổ chăm gìn giữ,
Phân bực nên chi để thứ hai.

BA CÔNG

Công nghệ hơn dân thiếu dễ cà,
Đồ chi cũng bởi đây sinh ra.
Một người thân đủ trăm vành cây,
Muôn kiếp công trùm bốn biển xa.
Biết mấy khôn ngoan giùm tế độ,
Còn hiềm máy móc nhẩy xa la.
Trăm phần lợi dụng đòi phần tẻ,
Phân bực nên chi để thứ ba.

BỐN THƯƠNG

Trong thế không thương gấm gió chơi.
Nghề buôn cũng lắm giúp công người.
Của nòng đồ thợ nhờ chuyên chở,
Chỗ có nơi không cấy đổi đời,
Tráo đấu lường cân hiềm xấu thói,
Chấp tôm vá cá khuấy hôi đời.
Đua nhau chiết cạnh nòng công lỗ,
Phân bực nên chi để chót thời.

QUÊ CHA ĐẤT TỔ

Dầu ai ngang dọc cả bầu trời,
Đất tổ quê cha cũng có nơi.
Tắc cỏ ngọn rau từng lấm thuở,
Chôn nhau cắt rốn biết bao đời.
Trăm năm sống thác nhờ che chở,
Muôn kiếp cao xanh khó đổi dời.
Nợ nước ơn non chưa dễ trả,
Phụ phàng sao nở ở ai ơi !

CƠM VỚI CÁ, KHÔNG BẰNG MẠ VỚI CON

Thế gian cơm cá vẫn rằng ngon,
Gấm lại sao bằng mạ với con.
Mâm rộng cổ đầy khôn dần độ,
Đẽ đầu mang nặng dễ vuông tròn.
Mùi đời sung sướng đầy tro bụi,
Nghĩa biển sâu dày tựa núi non.
Mặn lạt một ngày nuôi dưới gỏi,
Đánh chung đừng đổi tấm lòng son. (1)

DẦU TẶNG BÀ GIÀ

Ngăm nghiêng chi tôi ở mẹ ôi,
Nợ đời vay trả chắc đây rồi !
Xưa kia lấm thuở bà hành mẹ,
Nên nổi bây giờ mẹ báo tôi.
Vặn nhặt vặn khoan không chỗ hở,
Bắt tròn bắt méo đủ bề thối.
Nhờ trời mai mất tôi già lại,
Kiếm một con dâu để hả hơi !

- 1) Cô nhân nhứt nhứt dưỡng bắt giữ tam công hoán: người xưa một ngày nuôi mẹ dầu cho tước tam công cũng không đổi.

BÀ GIÀ HỌA LẠI

Bà khéo lời thòì giọng bắt cầu,
Nào ai dám động cẳng bà đầu !
Người sao lăm phước đầu thờ mẹ,
Tòì khéo vô duyên mẹ tở đầu.
Mới bước vào nhà chưa ráo cẳng,
Đã toan mặc áo muốn qua đầu.
Cối đây em đẩy xay vừa ăm, (1)
Cơm nguội canh khê đứng nói lâu.

CÚ KÊU MA ĂN

Trơ trơ mắt cú đại chưa cà,
Kêu chẳng được ăn chỉ sướt ma.
Dón dác đêm khuya khuya mô quáu,
Phanh phui diên tiệc béo thầy tà.
Sự đầu không biết thân tròn dể (2)
Độc miệng làm oan mạng vệt gà. (3)
Ma có thương đầu chim ghét cả,
Ban ngày mấy thuở rút đầu ra.

TRÚNG SÒNG ĐẦU, BÁN TRÂU MÀ CHỊU

Cờ bạc xưa nay kẻ bán trâu,
Rất anh vô phước trúng sòng đầu.
Thò tay dỏ thử vợ con cái,
Quen ngón chơi dai trụi bình bầu.
Năm chén chỉ mong thời đồ mại,
Sửa chuồng khôn gỡ vận đen đầu ! (4)
Què lành sạch ráo thường chưa đủ (5)
Cửa để ngoài sân đặt mấy lâu. (6)

- 1) Bồng em khỏi xay lúa, xay lúa khỏi bồng em.
- 2) Chim loan chim phượng đi đầu, để cho chim cú sự đậu nhàn mai.
- 3) Cú kêu thì độc miệng cú.
- 4) Mất trâu mới lo sửa chuồng.
- 5) Trâu què thường trâu lành.
- 6) Cửa làm ra để trên gác, cửa cờ bạc để ngoài sân, cửa phủ vân để ngoài ngõ.

NUÔI CHUNG VOI VỚI ĐỨC ÔNG

Quyền phép còn ai quá Đức Ông,
Ham voi lắm kẻ chực nuôi chung.
Thằng nài hôm sớm nhờ khuyên nhủ, (1)
Bã mía khô tươi giữ gánh gồng. (2)
Mong chút lợi mười hùn vốn một, (3)
Quản bao kẻ của lại người công. (4)
Bành vàng chưng sẵn trông xinh mắt,
Đại chó treo lên bắt đóng gông.

MỀM NẮN, RẮN BUÔNG

Mềm, rắn, xưa nay dễ mó sờ,
Nắn, buông, thế tục khéo tùy cơ.
May thì bột bún mèo vò kỹ,
Rủ nhíp sành chai chó ngửi lơ.
Hai chất đành càn làm mấy thuở,
Đôi tay luyện tập thạo bao giờ.
Đời này còn lắm vòng tranh cạnh,
Mặt mỏng kìa ai chó hời hờ.

MẠNH SỐNG, BỔNG CHẾT

Mạnh bóng nhân gian vẫn một phần,
Xưa nay sống chết bởi hai môn.
Dang tay bặt miệng thần kiêng vía,
Cúi trước gài tai quỷ hợp hồn.
Trời rộng lay nhường đầu cứng đội;
Đặt dày chực sẵn mặt mềm chôn,
Gương đời trước mắt trơ trơ đó,
Mấy triệu xin so nổi đại khôn.

- 1) Người giữ voi công gọi quản tượng, người giữ voi tư gọi thằng nài. 2) Voi ăn bã mía. 3) Một vốn mười lời. 4) Kẻ có của người có công.

PHƯỚC BẮT TRÙNG LAI, HỌA VÔ ĐƠN CHÍ

Ai cầm cân tạo khuấy nhân gian ?

Phước bắt trùng lai, họa bắt đần.

Cỡi hạc lưng không tiền đỉnh sót, (1)

Làm lươn đầu đã lấm bài tràn. (2)

Chì chài được cả trời gai mắt, (3)

Kiến cá ăn nhau đất sướt gan. (4)

Cửa phước chen chân, hàng họa ế,

Bền cao bền hạ chảnh cần bàn.

CỬA LÀM RA ĐỀ TRÊN GÁC

Ba loài phải biết của gian nan,

Để gác nên toan cách giữ gìn.

Mười ngón tay xoay nên nổi nước, (5)

Trăm năm lạt buộc cắt đầu giàn. (6)

Mồ hôi dễ lấm khi lau mặt, (7)

Máu mủ thà mang tiếng đóng tran. (8)

Có đề có thương vì khốn khó,

Ai hay giữ kỹ chẳng tiêu cần. (9)

CỬA CỜ BẠC ĐỀ NGOÀI SÂN

Cửa có ba loài phải biết cân,

Cửa cờ của bạc đề ngoài sân.

Được giàu, thua chịu sông dù tốt,

Mai đó, rầy đây, cửa chóe gần.

Khuất mắt, trởi thấy giao chóe giữ,

Ăn đầu quen ngón bán trâu d n. (10)

Cơn vui rồi có cơn buồn tới,

Cước cạn xưa nay được mấy lần.

- 1) Yêu triển thập vạn quán, kỳ hạc thượng Dương Châu : Nghĩa là lưng cột mười vạn quan. cỡi hạc đến tới Châu Dương, ý nói phước gì cũng được cả 2) Thân lươn bao quản lấm đầu, 3) Được cả chài cả chì. 4) Cá ăn kiến, kiến ăn cá. 5) và 6) Cửa người bốn bát, của mình lạt buộc. 7) Cửa mồ hôi nước mắt. 8) Thiều một thì đóng tran mà thờ. 9) Con có đề có thương. 10) Ăn sông đầu bán trâu mà chịu.

CỬA PHÙ VÂN ĐỀ NGOÀI NGÕ

Có giàu bao thuở của phù vân,
Để ngõ nên toan cách sợ lần.
Bước tới đầu đường đã vớ dặng,
Phía trong cánh cổng chớ đem gần.
Chớ mây tiến hóa tan đầu bật, (1)
Ngựa ải hư không được chửa cần. (2)
Họa phước nên hư đâu đã chắc,
Xưa nay ai hiểu mấy tiền thân.

ĐƯỢC CẢ CHÀI CẢ CHÌ

Người đời vận đồ một hai khi :
Được cả chài thêm được cả chì.
Đôi thước chớp dài quơ sạch nạo :
Mấy cân đẩy nặng vớ luôn y,
Bụi tre ai muốn dần lòng vãi ; (3)
Đàng lộ ta quăng mặc sức đi. (4),
Nhiều kẻ chì mòn may cũng khá,
Bóc chài nên lắm thói tham si.

- 1) Thiên thượng bạch vân như bạch y, tu du hốt biến vi thương cầu, nghĩa là : mây trắng trên trời như áo trắng, một chốc đổi ra làm chớ xanh. Ý nói đời thay đổi không thường. 2) Tái ông thất mã, họa phúc nan tri : ông ở ải mất ngựa, họa phước khó biết (ông ấy mất ngựa sau ngựa tự nhiên về, lại đem về một bảy ngựa nữa).
3) Cầm chài vãi bụi tre, 4) Nhẹ như bắt lót mồi không đi, nặng như chì quăng đi lóc lách.

GÀ CHẾT GÀ MỒ ĐIỀU

Thế gian có mắt thử trông gà ;
Con chết còn con đứng mỗ cà.
Vạn trái cổ đèn nằm ịch đấy,
Ních ngang hầu chứa kéo lỏi ra.
Thềm ba hột thóc bầu thiên hạ ;
Quên một màu lông máu giống nhà.
Thôi dạng bữa nào xào bữa ấy,
Chiều mai nhắm mắt mặc người ta.

TRĂNG LU VÌ BỜİ CHÒM MÂY (1)

Mấy thuở trăng lu đến nỗi này,
Xúm chòm khuấy khoá trách vì mây.
Bóng trong tuyết rạng lâu bay mặt,
Áo trắng muông xanh đổi trở tay. (2)
Một tâm lòng gương trời đất tỏ,
Trăm hình thói gấm nước non đầy.
Xưa nay trung nghĩa vương tai nạn,
Cũng bời gian tà khuất lấp đây.

NƯỚC ĐẾN TRÒN MỚI NHẢY

Thế gian đãặng mấy người khôn,
Biết nhảy thì đà nước đến tròn.
Lút cẳng dễ người chờ mấy thuớc,
Co chân rán sức hoảng ba bồn.
Trời thanh hơ hết đầu rờ lựt,
Đất rộng mênh mông khó kiếm cồn.
Giật mệt quen hơi nên đến nỗi, (3)
Thây lười chắc phú cá tôm chồn.

- 1) Trăng lu vì bời chòm mây, người trung mắc nạn vì tay gian tà. 2) Thiên thượng bạch vân như bạch y, tu du hốt biền vì thương cầu : nghĩa là mây trắng trên trời như áo trắng, một chốc đổi ra làm cho xanh. Ý nói đời thay đổi không thường. 3) Đám dò giật mệt.

KHÔNG THAM BỒ LÚA ANH DÂY THAM BA HÀNG CHỮ LÀM THẦY THẾ GIAN

Bồ anh đi lúa dạ không màng,
Em chỉ tham anh chữ mấy hàng.
Chán chỗ mèo nằm vun xún xún, (1)
Yêu nơi chó sủa tiếng chan chan. (2)
Oai quyền hột thóc to bao tí, (3)
Danh giá câu văn quý mấy vản. (4)
Nghiên ruộng bút cày trời ngó lại,
Vinh hoa bỏ kiếp gở đầu càn. (5)

GÀ ĐỂ GÀ CỤC TÁC

Chối cái làm chi ở mẹ gà?
Xưa nay gà để lại gà la.
Thòi lòi trên ổ heo nhồi trứng,
Tét lét ngoài mồm chó sủa mà.
Bươi bấp (6) nghề xưa khôn gở chãi,
Mò diều (7) thoi xấu khéo qua loa.
Cũng vì chiu chít bầy con đấy, (8)
Chanh lá (9) rồi đây sẽ biết ta.

- 1) Mèo nằm bỏ lúa khoanh đuôi, anh thua cò bạc đuổi ruồi không bay. 2) Chó làng Vê sủa ra chữ, chó làng Như sủa ra thóc (Tục ngữ Bắc). 3) Thân thê đồng tiền, oai quyền hột thóc. 4) Thế gian vô giá thị văn chương: trong đời có văn chương là vô giá. 5) Thấy gở đầu trẻ.
6) Gà mình bươi bấp mình. 7) Gà chết, gà nọ mò diều. 8) Chiu chít như bầy gà mất mẹ. 9) Con gà tục tác lá chanh, con heo ụt ịt mua hành cho tôi, con chó sủa đứng sủa ngồi, ông ơi ông hỏi cho tôi đồng riếng.

MÈO KHEN MÈO DÀI ĐUÔI

Thà thụt trong đời găm ít ai,
Mồ khen cho mồ cái đuôi dài.
Ngồi lòn dưới bụng chừng vừa ức,
Đứng vất lên lưng độ quá vai.
Ỉa bấp nhiều lần ngong vất vẻo, (1)
Nằm bờ lấm thuở cuốn khoanh nài.
Ngoắt chơi rủi phải nổi rang bể, (2)
Nào có ai đầu nở cắt tai. (3)

TRẢI CHIẾU DẸP DƠ

Nhà sao nhóp nhúa để trơ trơ ?
Trải chiếu còn toan thói lẳng lơ.
Lắm lúc chủ lười nên tới nổi,
Gặp con khách đến phải tùy cơ.
Dở ra càng thúi thêm mang tiếng,
Dập lại cho qua cứ giả lơ.
Khuất mắt chẳng qua tùy miệng thề, (4)
Biết đâu là sạch biết đâu dơ (5)

ĂN CẨM TRẢ VÀNG

Nợ thế nhiều khi đất góm gang,
Khi ăn thì cám, trả thì vàng !
Sàng, giần giặt lại hơi vài miếng,
Thoi nén trao ra đáng đủ đường.
Mắm muối vì mang mồm kẻ khó, (6)
Thép gang nên mắc miệng người sang. (7)
Canh rau giữ phận đừng hơ hồng,
Ngậm ngọc xin chừa tiếng vẽ vang.

- 1) Chưa biết bắt chuột đà biết ỉa bấp. 2) Con mèo xáng bẻ nổi rang, con chó chạy lại mà mang lây đòn.
3) Mèo lành ai nở cắt tai, Gái ngoan chồng để khoe tài nổi chí. 4) và 5) Khuất mắt là sạch biết đâu sạch.
6) Mồm nhà nghèo ăn mắm ăn muối hay nói đại.
7) Miệng người sang nói có gang có thép.

CHUỘT BẦY ĐÀO KHÔNG NÊN HANG

Lúc nhúc ghê cho lũ chuột bầy !
Đào hang coi bộ ngó trím trầy.
Cấn đuôi lết chít nghe đồng miệng,
Bầy mặt xoi mói gặm ít tay.
Dọn lối đành thua ba ngách thổ, (1)
Tìm lù còn kém một thân nhây.
Rủ thì chó đuổi không đường chạy,
Núm cổ loi nhoi mặt xách đầy,

GIÓ NON THỔI CÁNH BUỒM THUYỀN COI EM LẠU LẠU MÀ DUYÊN KHÔNG CÒN

Gió non thổi chềch cánh bướm thuyền,
Lậu lậu coi em mắt tí duyên.
Heo hắt còn đeo hơi thiếu nữ, (2)
Lẳng lơ chừng hồng nết thuyền quyền.
Mây mưa lấm buổi khờn ngăn đón,
Lèo lái vì đâu vụng giữ giềng ?
Bến nước mười hai nghe đẩy hủ,
Cấm sào đừng để khách quơ xuyên.

ĐỤC NƯỚC BÉO CÒ

Chọc khuấy vì đâu nổi bụi tro ?
Xui nên nước đục béo thầy cò.
Lờ mờ mắt cá khôn đường lội,
Láo liến chân trâu để lối mò.
Dài mỏ dễ nào khăn khó mãi, (3)
Cao chơn càng chóng đẩy đà cho.
Trong không trời mặc ai lo liệu,
Ruộng rộng dầu ta thắng cánh đo. (4)

- 1) Sách Tàu : Giao thô hữu tam huyết, nghĩa là : con thỏ liêng có ba ngách (hang thỏ thường thường có hai ngách thôi).
- 2) Thiếu nữ : gái tơ, sách Tàu gọi gió xuân còn non là gió thiêu nữ.
- 3) Dài mỏ khó kiếm ăn 4) Ruộng cò bay thắng cánh.

EM THƯƠNG ANH MÀ CHA MẸ CHẲNG TRAO HÒN ĐÁ DẦN BỤI CỎ BIẾT LÀM SAO BÂY GIỜ

Thương anh không trót bởi hai thân,
Bụi cỏ làm sao nổi đá dần?
Một sợi tơ xe lơi mấy mối,
Tắc lòng xuân ép nặng trăm cân. (1)
Đội đầu ân nghĩa chồng non nước,
Gính lá tình duyên phủi bụi trần. (2)
Đành phận liễu bồ luồn dưới gối,
Thối nhà bia đá dăm lần dân.

HAI TAY CẦM LẤY TRÁI BÒNG SE SE MUỐN GỌT SỢ LÒNG MẸ CHA

Se se muốn gọt mới cầm bông,
Cha mẹ còn trên sợ chút lòng.
Thấu ruột mùi chua vắn vọt mãi,
Đội đầu ơn thắm nể nang lòng.
Buông dao chẳng nở, mồm còn giải,
Dàn đá không hề dạ cũng long.
Cỏ chữa đèn xuân dương vương gió,
Bên tình bên hiếu nhắc chưa xong.

ĐÔNG TÂY VỠ NÊN BỘP

Trăm việc hai tay khó nổi trông,
Làm cho nên bộp phải tay đông.
Nhiều bàn xúm lại cho chung rập,
Một tiếng kêu lên đã lạnh lòng.
Sảng vía hùm beo kinh chạy Tân,
Giật mình cò quạ hoảng bay bùng.
Xưa nay góp gió làm nên bão,
Muôn vạn xin ghi một chữ đồng.

- 1) Nan tương thôn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy
(khó đem lòng tác cò đến bởi âm ba xuân): là nói khó đến
ơn cha mẹ. 2) Khinh trần thê nhục thảo (một chút bụi
trần mỏng méo gính trên lá cò) là nói kiếp người đời
mỏng mẻo như thê.

**ỐC MANG KHÔNG NỔI ỐC
CÒN MUỐN MANG CẢ CỌC RÊU**

Sức ốc xưa nay có bấy nhiêu,
Mang mình không nổi muốn mang rêu.
Cưu chừng nẩy vỏ nên cam cực;
Cổng cả vừa đùm khéo trót trêu !
Ruột quặn mấy lần vì rấn rổ,
Vẩy thừa một cái cũng lêu bêu.
Rủi thì trật cọc trời vào bãi,
Le lưới đưa tròn cứ chịu liều.

**ĐEM EM MÀ BỎ GIỮA GÀNH
KÉO NEO MÀ CHẠY SAO ĐÀNH CHÀNG ỒI**

Sao nữ đem em bỏ giữa gành ?
Kéo neo mà chạy, chạy sao đành ?
Bốn bề đá phủ thương thay phận !
Một cánh buồm bay thăm mấy tình !
Má phấn phú theo làn sóng bạc ;
Lèo mây trông tận ngọn trời xanh.
Thề non hẹn nước còn trơ đấy,
Duyên nợ vì ai phải sạch sanh.

ĐỒNG MẸ CÒN KHÓ LẤY CHỒNG

Cớ sao nên gái khó tìm chồng ?
Cũng bởi vì mang tiếng mẹ đồng.
Thằng mít thằng xoài đua chọn kén ;
Tuổi trâu tuổi ngựa cải bao đồng.
Tới lui choán mãi ba cù chuyện ;
Ừ kử lâu cho một tiếng « không ».
Mai chỉ một thời huyền tám tiết
Phúc đâu không thấy, c'ỉ ngồi trông.

MẮT TRẦU MỚI LO SỬA CHUÔNG

Thế tục kia ai biết nghĩ sâu ?
Sửa chuông thôi đã mắt rồi trầu !
Bĩnh bầu bật tích còn đâu nữa ?
Cổng phía ra tay bỏ thí nào ?
Việc có trải qua thêm sáng mắt,
Của không giữ trước phải diên đ u.
Xưa nay lắm nỗi khôn già lại,
Tuy vậy còn hơn đũa bỏ nhàu.

LỪA GIÓ BỂ MĂNG

Lòng đời còn lắm kẻ lãng nhăng :
Luôn gió lăm le tính bể măng.
Non sức co vò luôn dịp đẩy,
Già tay ngắt ngọn họa may chằng.
Măng mè quên cả câu lăm lỏi ; (1)
Gió máy lừa nhau lúc khó khăn.
Mấy cụm tre già còn đứng đó, (2)
Đến khi nên gậy đánh nhãn răng (3)

CHUÔNG KHÔNG ĐÁNH, KHÔNG KÈU ĐÈN KHÔNG KHÊU KHÔNG TỎ

Đèn tỏ chuông kêu tự thuở nay,
Không kêu, không đánh lấy đâu hay.
Gác dùi phải chịu chìm tăm tiếng,
Hụt bậc nên khôn rõ mặt mày.
Miếu vắng, chùa không, thêm lạnh lẽo,
Đêm khuya, lửa tối phải lay quay.
Những trang nâng vạc người cầm đuốc,
Chẳng gặp gian nguy chẳng biết tay.

- 1) Lối làm vì mấm trích ve, vì rau muống luộc vì mè trộn măng : là nói ở đời oán thù do việc lật vật sanh ra. Sách Tàu Kinh Thi có câu rằng : « Dân chỉ thật đức càn hầu gì khiên » cũng ý ấy. 2) Tre già măng mọc. 3) Ba năm quân tử trồng tre, bảy năm nên gậy đánh què tiểu nhơn.

CON GÁI CHÙA HOANG

(Lấy vận : ôi, thôi, rồi, nôi, xôi)

Ồi chao ôi ! đấy ! ôi chao ôi !
Cái kiếp hồng nhan đến thế thôi !
Đặng mấy thí xuân chơi cũng sạch ;
Biết bao nhiêu nước rửa cho rồi !
Trợt chi quá lỗi khôn dừng cẳng,
Quay lại còn đâu đã bể nôi. (1)
Miệng tục xưa nay coi dễ cóng, (2)
Chùa này ước đặng ít nhiều xôi ! (3)

NÉN BẠC ĐÂM TOẠT TỜ GIẤY

Tờ giấy nhà quan phải để đâu,
Khen cho nén bạc dăm đâm nhầu.
Bằng cân đúng lượng vừa đem tới,
Tử tập hồ sơ đã lũng thâu.
Theo kịp lỗ mồm mau quá ngựa, (4)
Kéo ra ngòi bút mạnh hơn trâu. (5)
Cho hay tiếng bạc tài không bạc,
Sắt đá dầu ai cũng cúi đầu.

- 1) Sách Tàu có câu rằng : Tặng gì phá bì, cò chi hà ích, nói đã bề rồi ngó lại ích chi. (Thí dụ việc đã hư rồi, tiếc cũng không ích. 2) và 3) Ăn xôi chùa cóng miệng,
4) Sách Tàu : Tứ bát cập thiết. Tiếng tục ta : Sảy mồm ngựa theo không kịp. 5) « Nhứt tự đao công môn, thiên ngư khiên bắt xuất » nghĩa là một chữ đèn cửa nha, trăm trâu kéo chẳng ra

GẦN CHÙA GỌI PHẬT BẰNG ANH

Lắm kẻ gần chùa dám trố trênh ;
Kìa nghe đã gọi Phật bằng anh.
Bên am cửa cách chừng ba bước ;
Trước án em xin tỏ tấc thành.
Chăm chút nhà tôi khi để độ, (1)
Trông nom trẻ cháu lúc tu hành.
Hai bên đây cũng vòng cô bác,
Rảnh tôi chè xồi gọi chút tình.

THẤY NGƯỜI SANG BẮT QUÀNG NHÌN HỌ

Thế gian kiêng nể lắm người sang,
Nhận họ nên chi mới bắt quàng.
Chú cống anh ghè rồi bác tú ;
Quan phiên cụ thượng cả thầy bang.
Tuy không qua lại quên tên tuổi,
Nhắc kỹ gần xa vẫn chể tang.
Mai một tốt ngày thăm viếng cả,
Về đây mặc sức dễ nghênh ngang.

CHỮ QUAN HAI CHỮ KHẨU

Chữ nghĩa khen ai khéo đặt bày ;
Chữ quan hai khẩu găm thày lay.
Giăng dầu đã chắc nhờ che chở ;
Thêm miệng nên sinh lắm vận xoay.
Nói hiếp, nói gian thêm đủ mực, (2)
Bắt tròn, bắt méo cả hai tay.
Ông ơi Thương hiệt ông hay chăng ? (3)
Đại đột thà cam thối gút đây. (4)

- 1) Tục kêu vô bằng « nhà tôi ».
- 2) Cha mẹ nói oan, quan nói hiếp : muốn nói gian làm quan mà nói. 3) và 4) Từ ông Thương-hiệt bày ra chữ Tàu; chứ trước thì cứ gút dây làm dầu.

CHÁY NHÀ BẦY MẶT CHUỘT

Chuột kia giấu mặt kín xưa nay,
Vì cháy nhà nên mới chịu bay.
Nước lửa khỏa trời khôn núp bóng ;
Ngách hang túng đất phải trời thay.
Ổng tre nổ toác trông đầu nũa, (1)
Bồ nấp tan hoang đến nỗi này. (2)
Láo liến hai đầu khôn khéo mãi, (3)
Cùng sào cũng có bữa này đây. (4)

NÍCH XÔI CHÙA CÔNG MIỆNG

Gần chùa lắm chú khéo lời thôi,
Công miêng vì chưng ních lấy xôi.
Hứng dưới tay sư còn dính oản,
Sờ lên gáy tớ đã sờn môi. (5)
Ít nhiều trót cũng mang ơn Phật,
Mặn lạt hơi đầu chuốc tiếng đời.
Áo bát کیا ai khôn giữ ngón, (6)
Từ sau sẵn nấp choảng mười nôi.

ĐÁNH TRÔNG ĐÔNG CHUÔNG

Trông chuông vốn tự một thì sinh,
Đánh động xưa nay cũng thể tình.
Xác gỗ xoang tay đã cắt tiếng,
Mặt mâm trêu mắt dễ làm thính.
Biết bao tổn đấy tiền làng họ,
Nỡ để ngờ nhau tiệc miếu đình.
Ấy kẻ cầm dùi xin sớm liệu,
Rút dây không khéo đổ vùng vinh.

- 1) Chuột chạy ổng tre. 2) Chuột sa bồ nấp. (3) Thử thử lưỡng đoan : nghĩa là chuột chạy đầu quay cả hai phía (Người làm gì không nhứt định gọi là đầu chuột). 4) Chuột chạy cùng sào. 5) Nói phải sờ lên gáy. 6) Phật truyền cho đệ tử chính tôn một cái áo lại một cái bát.

ĂN CÂY NÀO RÀO CÂY ẤY

Lẽ thẳng sờ sờ tự thuở nay,
Thế đà ăn trái phải rào cây.
Xưa nay ngọt lạt vin cành ấy,
Hôm sớm chăm nom giữ cội này.
Mình trót đỡ mồm cơn túng thiếu,
Lòng nào dứt rẽ lúc lung lay.
Rào thung ăn táo kia ai đấy, (1)
Núp bóng xin nghe mấy tiếng này.

MỞ MIỆNG MẮC QUAI

Thói thường kiêng nể quá xa sâu,
Vì mắc quai nên mở miệng đầu ?
Ngựa mép vừa ưa sờ đến gáy,
Cần răng còn thí đội trên đầu.
Giây đà buộc cổ mình xe lở, (2)
Lưỡi vẫn không xương nó cứng lâu.
Dính dấp lưỡi đời vương vấy mãi,
Mặc ai kêu ngựa mặc kêu trâu. (3)

GIẬU NGÃ BÌM LEO

Quái gỡ loài chi khéo lựa eo !
Vừa ưa giậu ngã thấy bìm leo.
Gặp cơn gió tạt mưa sa tấp,
Sân nhíp dây ràng lá phủ theo.
Mả lạn bỏ lan quen thói cỏ ; (4)
Nước tràn khỏa sét choảnh hơi bèo. (5),
Rối đây mai mới xây vắn lại,
Dứt gốc liền tay thấy héo quèo.

1) Ăn cây táo rào cây thung.

2) Xe dây buộc mình. 3) « Hô ngã vì mả giậu ưng vì mả, hô ngã vì ngư giậu ưng vì ngư » nghĩa là kêu ta làm ngựa ta làm ngựa, kêu ta làm trâu ta làm trâu. Nói cách nhện nhúc. 4) Mả lạn thì cỏ chỉ bỏ lan. 5) Nước lụt tràn bèo khỏa sét trên sen.

CHÙA RÁCH PHẬT VÀNG

Xưa nay ngó nghếch thối qua đàng,
Chùa rách hay đâu có phật vàng.
Mưa gió am xiêu trông mắt giá,
Nén thoi tượng đúc để còn tang.
Lòng trần lấm kẻ so hình tướng,
Mắt tục nào ai thấu ruột gan.
Xớ rớ rồi đây bỏ-tát giáng,
Gần xa hương khói khắp muôn làng.

DỄ NGƯỜI DAO LỤT CÓ NGÀY CỤT TAY

Dao lụt kia ai khéo dễ người,
Cụt tay có bữa chớ không chơi.
Thợ rèn đánh rớt cần chi nữa, (1)
Con nít chơi lâu rủi cả mười. (2)
Ba tấc vắn dài còn đủ lưỡi,
Hai bàn sắp ngựa hết khinh người.
Bỏ lâu mất nước xù xì vậy,
Đến lúc lau mài sắc mấy mươi.

MUA GÁI XEM DÒNG

Mèo mả gà đồng găm chả xong,
Xưa nay mua gái phải xem dòng.
Lựa tơ kén tóc vầy đôi lứa,
Cội mẹ nguồn cha kỹ đục trong.
Cú-cú bao đời hoàn lại ục, (3)
Điu điu mấy thuở để con rồng. (4)
Mua Trâu lấm kẻ còn xem nái,
Lang chạ sao nên đạo vợ chồng.

- 1) Thợ rèn ăn dao lụt. 2) Con nít chơi dao có ngày đứt tay.
3) ục là giủ-gi. 4) Mẹ rồng lại đẻ con rồng, điu-điu lại đẻ ra dòng điu-điu.

THƯƠNG THÌ CHO RỜI CHO VỢT GHÉT THÌ CHO NGỌT CHO NGÀO

Cha mẹ yêu con phải lựa đường,
Ngọt ngào là ghét, đánh là thương.
Nâng niu nên nổi nhuần xương thịt,
Lạt lẽo hay chăm miếng kẹo đường.
Vàng luyện lửa nòng càng đúng bực,
Cơm chan nước là lại thêm chường.
Thối đời còn lắm lòng hư hỏng,
Tre để già dần mía bẻ tươn.

TRÂU ĐỨNG KHÔNG AI MÀ CẢ TRÂU NGÃ LẮM KẼ CẦM DAO

Trâu đứng kìa ai hỏi tới nào ?
Đến khi trâu ngã lằm cầm dao.
Mài sừng nhọn vát ngo thêm bớt,
Sấy cấn thoi lòi chực cắt sào.
Mong chút phần ăn vì máu dính,
Ưa đầu cháo múc phải tiền trao.
Con ăn con cột ganh nhau mặc,
Tỏi giắt đầy lưng chỉ ước ao.

KHÔN LÀM QUAN, GAN LÀM GIÀU

Bởi vì khôn khéo mới làm quan,
Cho biết làm giàu phải bởi gan.
Hai miệng hai tay vợ ả chông,
Một lời một lỗ chắt tiền tràn.
Gánh vàng về khổ ngu sao nổi,
Đánh bạc với trời nhất phải tan.
Chữ phú xưa nay trên chữ quý,
Học gan chẳng học học khôn ngoan.

MUỐN NÓI KHÔNG LÀM MẸ CHỒNG MÀ NÓI

Mẹ chồng lắm miệng đã thành lè,
Muốn nói không xin học lấy nghề.
Miệng thích trâm dầu vào lỗ trống,
Tượng tạc một cỗ đội dâu về. (1)
Vung tròn múa đất dầu không mỗi,
Cúi trước gài tai đã có nề.
Chẳng dễ ai đẩy bỏ đựng sản,
Con trai chưa dễ vội chi tề.

THẰNG BẮN CÓ CÁI QUẠT MO (2)

Thằng bắn lẩn bắn bị trời vò, (3)
Vốn liếng trong mình một quạt mo.
Đói dựa gốc cây may lượm được,
Buồn trông khuôn quẻ khéo vảnh chờ.
Nằm ngời lốt đất nhiều khi đỡ,
Mưa nắng che đầu ít nổi lo.
Trâu, cá, lim, Mồi đều chẳng đổi,
Bần này chỉ muốn vắt xôi to.

ÁO DÀI CHẲNG NỆ XIÊM XƯA, TRAI KHÔN CHẲNG NỆ VỢ THỪA THẾ GIAN

Áo dài thôi chẳng nệ xiêm xưa,
Mấy thuở trai khôn chán vợ thừa.
Tốt vạt che luôn con mắt tục,
Cao tay lật cả cái bông lư.
Hay lường tổn ít tường khuôn dưới,
Khéo vá lành hơn mới thuở xưa. (4)
Gấm vóc thải ra chưa dễ mấy,
Mặc không phủ gối chớ thừa ư.

- 1) Cha chồng là lông chim phượng, mẹ chồng là tượng mới tạc, nàng dâu là cỗ đội chười. 2) Thằng bắn có cái quạt mo, Hán-vương đòi đòi ba bò chín trâu: Bần rằng tôi chẳng muốn trâu, Hán-vương đòi đòi ao sâu cá mè, bần rằng tôi chẳng muốn mè, Hán-vương đòi đòi đôi một bè gỗ lim, bần rằng tôi chẳng muốn lim, Hán-vương đòi đòi đôi chim đôi-mồi, bần rằng tôi chẳng muốn mồi, Hán-vương đòi đòi vắt xôi, bần mừng. 4) Rộng rãi trời dãi cho, Co ro trời vò lại. 5) Rách khéo vá hơn lành vụn may.

TRÈO NON QUÊN MỆT NGẬM GỪNG QUÊN CAY

Gừng ngậm non trèo khó thuở nay,
Vì ai quên mệt lại quên cay,
Trăm lần chống gối chun không biết.
Ba lát tê mũi miệng chẳng hay.
Núi lở, đá mòn tình hỡi chắc,
Chanh chua, muối mặn vị khôn tày. (1)
Mồ hôi, nước mắt rưng rưng chảy, (2)
Cũng bởi thương em đến lỗi này. (3)

ĂN TRÁI NHỚ KẼ TRỒNG CÂY

Cây ngon mấy thuở mọc hư không,
Ăn trái xin ai nhớ kẻ trồng.
Ngày lại vin cành quen thói trẻ,
Đời nào gieo giống cảm ơn ông.
Ra hoa kết nhụy làm nên quả,
Bón nước vun phân tốn lắm công.
Nước giếng nguồn trời còn biết nhớ,
Nỡ nào ăn táo chạy rào thung,

CÓ PHƯỚC LÀM QUAN, CÓ GAN LÀM GIÀU

Xưa nay cậy phước được làm quan,
Chỉ có làm giàu phải cậy gan.
Tốt mã ông cha vợ ắt chống,
Già tay con mẹ chất tiền tràn. (4)
Phát thân tại đất cần gì sức,
Đánh bạc với trời khó nổi gian.
Chữ « phú » nên chi trên chữ « quý »,
Vì gan có ít phước muôn vàn.

- 1) Chanh chua muối mặn gừng cay. 2) Chảy nước mắt gừng.
3) Thương em vô giá quá chừng, trèo non quên mệt ngậm gừng quên cay.
4) Mẫu tử tiền: tiền con tiền mẹ. Tục ta có tiếng kêu lời mẹ lời con.

QUÂN TỬ NHỨT NGÒN

Xưa nay thiên hạ có câu đồn,
Quân tử thì thôi chỉ nhứt ngọn.
Trăm nét giời mình đà giữ chắc,
Một lời rơi miệng cứ nhìn luôn.
Trâu không kéo lại mồm người tục, (1)
Ngựa nỡ theo về lười kẻ khôn. (2)
Phong khí đời xưa đâu hẳn thế,
Đời nay xác ố đã không hồn. (3)

MUỐN NÓI GIAN, LÀM QUAN MÀ NÓI

Thiên hạ kìa ai muốn rói gian,
Hãy xin kiếm miếng để làm quan.
Trăm điều chỉ thích tuồng thêu dệt,
Hai miệng nên mua bọc thép gang.
Nặng sức khua hầu rồi múa miệng,
Dám ai chọc mắt lại trêu gan.
Cửa tiền cửa hậu xa chi mấy,
Mũ quạ chừn tron bạn hời khoan.

UỐNG NƯỚC CHỪA CẶN

Ơ đời trăm việc cứ vừa vừa,
Uống nước sao cho cặn biết chừa.
Ngon giở mùi trà mồm đã nhấm,
Ít nhiều lòng bát đáy nên lựa.
Đầy vơi lắm nỗi ngao lường khó, (4)
Sên nhịn lâu năm vại chứa thừa.
Thế tục nhiều người trơ mỏ nhát,
Chừa nay cũng bởi bạo ăn xưa. (5)

- 1) Một chữ đến cửa nha, trăm trâu kéo không ra. 2) Sảy miệng ngựa theo không kịp. 3) Xứ biển có một con vật sinh ra cứ rúc vào trong vỏ ốc chệt sau lớn lên đi đâu thì mang theo : bắt coi thì thấy có hai càng như càng cua, không giống loài ốc, tục kêu là ốc lộn hồn. 4) Ghinh hư thế cuộc (cuộc đời đầy vơi). Lầy ngao lường nước bề. 5) Ăn xưa chừa nay.

BÁT BỀ ĐÁNH CON KHÔNG LÀNH

Bát bề thì thôi cứ chịu đòn,
Đánh con cho lắm cũng không lành.
Choảng rồi một tiếng xong đời nó,
Trót mãi nhiều roi thắm thịt mình.
Cục máu khôn đem đèn mạng sứ,
Đoạn mây khó nổi bọt khuôn vành.
Việc đời giữ trước hay hơn cả,
Chẳng một gì đâu mấy miếng sành.

NỒI TRÒN ÚP VUNG TRÒN NỒI MÉO ÚP VUNG MÉO

Thế gian nhiều hạng kiểu vung nôi,
Tròn méo theo nhau cứ úp thời.
Khéo tợ « sọ dừa » dành có cặp, (1)
Xấu như « trái ấu » cũng thành đôi. (2)
Khuôn thiên nắn đủ khôn thừa thiếu,
Lò tạo hằm ra khó đổi dời.
Bếp tục xưa nay coi lộn sộn,
Vì mua không lựa nói sao rồi.

CHỖN CÁO LỂU LÁO BẮT GÀ

Xưa nay chồn cáo tiếng đồn xa,
Lểu láo rồi đây chỉ bắt gà.
Ngày núp bụi lùm trờ mặt thạo,
Tối vào trống mái cần đầu tha.
Giả hùm khuấy mãi hôi làng xóm,
Phỉnh chó khôn như biển quỷ ma (3)
Quen thói chồn đèn rồi có bữa,
Xúm nhau đập chết trấu nhồi da.

- 1) Tròn như sọ dừa. 2) Thương thì trái ấu cũng tròn, ghét thì
bòn hòn cũng méo
3) Chồn cáo có tài trớ chớ, gặp đó rồi biến đó như ma.

NHỨT LÀ VỢ DẠI TRONG NHÀ

Dưới thế việc chi tối khổ người ?
Trong nhà vợ dại nhất bầu trời.
Tay chun, miệng, lưỡi, hư và hõn,
Cò, bác, bà con trách lại cười.
Đó đã quăng tròn kêu cá lọt, (1)
Bếp không biết nhóm xúi gà bươi. (2)
Bận bề khách khứa ngo lui tới,
Nước mắt cười ra, khóc hồ người. (3)

THỨ HAI NHÀ ĐỘT

Dưới thế việc chi nhị khổ người ?
Còn anh nhà đột cũng không chơi.
Ngủ đang ngon giấc ôm mền chạy,
Ăn chưa xong cơm vác ghế dời.
Rủ nhịp mình se khôn tránh trố,
Lỡ chừng khách lạ khó chào mời.
Củi giằm, bếp ướt tranh chưa sẵn,
Ghét bỏ gì tôi vậy hơi trời.

THỨ BA NỢ ĐÒI

Thứ ba sự khổ nghi mà coi,
Còn khổ chi hơn thứ nợ đòi.
Triển hoãn nhiều lần trầy trọc mãi,
Mượn vay chưa sẵn ráo van hoài.
Bước ra bận cặng không buông lỏng,
Về lại khoanh tay chỉ thở dài.
Nhà cửa buồn tanh bề bận vắng,
Cần tìm thờ một lũ quân toi.

- 1) Vợ hư như đó không tròn, vô con nào lọt con này. 2) Gà mình bươi bếp mình. 3) Khóc hồ người cười ra nước mắt.

LUỘC TRỨNG HÚP NƯỚC

Thối người hà tiện gớm ghê chà ?
Luộc trứng toan đem húp nước à ?
Ít hột lêu bêu qua khỏi lửa,
Chia tay lút chút đủ vừa nhà.
Mưa nên đã lấm tiền tro sạn,
An vậy cho qua tiếng vịt gà.
Để chuột tha dầu mong lượm được, (1)
Túng thì phải tính mới làm ra.

VẮT CHÀY RA NƯỚC

Nước non đầu đó khéo thày lay ?
Trối kệ tau đây vắt cổ chày.
Bóp thất hai tay ra sức chặt,
Giọt mòng đôi tí họa thì may.
Sành còn ra mớ vì khôn rán,
Lã cũng nên hồ bởi khéo xoay.
Thôi chớ đòi chày đòi cối mệt,
Không sao có mắm mút giòi đây. (2)

ĂN MẮM MÚT GIÒI

Kìa ăn chi đây, mắm hay giòi ?
Trối mặc nào đầu để mút coi.
Lượm cả hai tau ghê lúc nhúc,
Đút cho một miếng gớm lời thòi.
Tổn bao nhiêu cá thây nên lớn,
Vứt lửng chừng con của cũng hoài.
Chịu cực ít ngày trời ngó lại,
Săn tiền đan rọ sẽ mua mồi (3).

- 1) Chuột nằm ngửa tha trứng. 2) Ăn mắm mút giòi.
3) Đan rọ trông cá mồi.

GIỎ CÓ QUAI, CHÀI CÓ CHÓP

Rất nhỏ hơn gian thứ giỏ, chài,
Xưa nay còn có chóp cùng quai.
Trăm vành gút lại hai vành chịu,
Muôn mặt thâu về một mặt coi.
Săng đục đánh đầu vơ xách mãi, (1)
Bụi tre vãi bầy núp lõi hoài. (2)
Chen hom (3) chớ mó hai tay cả, (4)
Vướng gốc cá chì mắt phải toi (5)

TẮC BÓNG LỒNG VÀNG

Ngày trời thắm thoát mấy ai màng,
Tắc bóng hay đầu thiệt lồng vàng.
Cửa sổ xuyên qua theo chẳng kịp, (6)
Đêm xuân so lại giá chưa ngang. (7)
Đào hiển sẵn nhện âm từng thí, (8)
Võ thánh phanb phui bích mấy gang. (9)
Vàng mắt thể gian mua lại được,
Dây đồng khôn kéo beng du tang. (10)

- 1) Dùi đánh đục, đục đánh săng: 2) Chài vãi bụi tre. 3) Già kén chen hom. 4) Bạt cá nai tay. 5) Được cả chài cả chì.
6) Bạch câu quá khích : Thời giờ đi qua mau như ngựa trắng chạy qua ngoài hè cửa. 7) Xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim : Đêm xuân một khắc giá nghìn vàng. 8) Ông Đào-Khang nói : « Vua Võ tiểc từng tắc bóng, người thường phải tiểc từng phân bóng. 9) Võ quý thôn âm nhi tiện xích bích : Vua Võ quý tắc bóng mà khinh thước ngọc bích. 10) Tích Tàu : Lỗ-Dương đánh giặc chưa tan trận mà trời tối, ông ta vẫy cái giáo kêu mặt-trời trở lại. Mặt trời trở lại đánh xong giặc rồi mới tối.

CHA GÀ MẸ VỊT

Trách kẻ giao loan chấp chỉ hồng,
Cha gà mẹ vịt khéo mưu mông.
Máu oan lớn nhỏ hay chiu chút, (1)
Tính nước xưa nay vụng âm bằng. (2)
Khô ướt trót chia hai thứ móng,
Ấp yêu khôn cậy một chòm lông.
Cờ đời lắm chú thua chân vịt, (3)
Gà chạ vợ ngang mái ngủ đồng (4).

TỐT KHOE XẤU CHE

Thối đời bạc thược gớm ghê hê!
Tốt muốn khoe khoang xấu muốn che.
Áo rộng quần dài chung chỗ tiệc,
Chửi cùn giẻ rách dứt buồng khe.
Mượn mồm thiên hạ khi khen gọi,
Đầy mắt hơn gian lúc nguyệt ngoe.
Mèo khó thêm đuôi (5) voi trật thúng, (6)
Nhọc mình mà có ích chi he.

RẠM NGƯỜI THÌ ĐỎ, RẠM CỎ THÌ ĐEN

Đàn lẩn kìa ai chớ ghê ghen.
Rạm người thì đỏ, cỏ thì đen.
Chen vai xem lắm tươi con mắt,
Lút mặt trông như sắp bóng đèn.
Lửa sáng muốn nhà cờ cấm phụ,
Trâu ăn trăm đám quạ bay xen.
Vui buồn hai nỗi đem so sánh,
Người quý bao nhiêu thứ cỏ hèn.

- 1) Nằm vu vạ ngậm máu gà. Con là nợ, vợ là oan. Chiu chút như gà mất mẹ. 2) Phụ hơn thủy tính: Tính đàn bà như nước. 3) Cờ thấp như vịt. 4) Mèo má gà đồng. 5) Mèo khen mèo dài đuôi. 6) Lầy thúng úp voi.

TÍCH CỐC PHÒNG CƠ DƯỠNG NHI ĐÀI LÃO

Lương vơi cuộc thế biết đâu là,
Chứa lúa nuôi con cứ thói nhì.
Khóa lăm giữ chừng cơn gạo kém, (1)
Cung mắng chờ đến lúc tre già. (2)
Mưa tràn rãng khỏa khuây lo lắng,
Tay thẳng chân giùn khỏi sẩy sa.
Biết một nhiều người hai chữa biết,
Con thì như quỹ lúa như ma. (3)

ĂN COI NỒI. NGỒI COI HƯƠNG

Nhà thì có hương, bếp thì nôi,
Coi cả khi ăn đến chỗ ngồi.
Cầm đũa ít nhiều thần hồi trẻ,
Đặt tròn sau trước sẵn trông ngời.
Bạn bè dở miệng cơm còn hết,
Cò bác xây lưng lúc tới lui.
Trong trẻ hiểu chừng đôi tiếng ấy,
Một thiên khúc-lẽ đã xong rồi. (4)

ĐỒNG TIỀN CHIẾC DỪA CHIA ĐÔI

Vợ chồng oan nợ bời đầu he,
Tiền dũa chia hai thâm lăm hề.
Nhắm mắt bẻ đôi vòng sắp ngửa,
Cán rãng chịu nửa kiếp so le.
Vàng phai đà nát nên đành đoạn,
Cơm dở canh ôi khéo chớ che.
Khôn đại dạy nhau xin đóng cửa,
Trai đòi gái lúa lóng tai nghe.

- 1) Có thứ lúa ma mọc lộn vào lúa nhà đèn khi vừa chín thì hột đổ cả xuống đất. 2) Lương cao gạo kém.
3) Tre già măng mọc. 4) Thiên khúc-lẽ dạy con nít những lẽ phép tới lui cho đèn lúc ăn uống.

BẠC LÀ DÂN, BẮT NHÂN LÀ LÍNH

Bác ác vì sao thói nhuộm sâu ?
Than dân trách lính khéo câu mâu.
Lạ sao con cái không thương bố, (1)
Quái nổi tay chân chẳng đỡ đầu. (2)
Ăn mới rời tay xem nhẹ hồng,
Giặc vừa thấy mặt bỏ đi nhâu.
Miệng hùm da rắn ai yêu được,
Cũng bởi nhà quan chó bởi đầu.

ĂN CỎ ĐI TRƯỚC, LỘ NƯỚC ĐI SAU

Thói tục rành ghê nổi chậm mau !
Cỏ ăn đi trước, nước đi sau.
Sân chân lướt Khách cơn mây rộng,
Rõn bước nhường người lúc đến sau.
Hốt nhịp miệng nôi càng sốt dẻo,
Rủ thì lòng chảo khỏi lau chau,
Ai ai giữ chắc câu lẽ ấy,
Nước chẳng thò chân, cỏ đọng đầu.

NUÔI CON MỚI BIẾT CÔNG LAO MẪU TỪ

Công lao từ mẫu quá non cao, (3)
Đến lúc nuôi con mới biết nao !
Sự có trải qua khôn một tí,
Ơn không chỗ trả thâm dương bao ?
Xuân nào hỏi cỏ « đền chi chữa » ? (4)
Gió chẳng cho cây lặng biết sao. (5)
Dưới gối một ngày đừng lỏng lẻo,
Muôn vắn ghi nhớ đức cù lao.

- 1) Quan là bố mẹ dân. (2) Binh chi ư tướng do thủ
túc cần đầu mục, nghĩa là binh ở với tướng như
tay chân đỡ đầu mắt. 3) Trèo non mới biết non
cao, nuôi con mới biết công lao mẫu từ. 4) Nan tương thôn
thảo tâm, báo đáp tam xuân huy : khó đem lòng tác cớ đến
ơn nặng ba xuân, là nói con khó đền ơn cha mẹ. 5) Thọ
dục tính nhi phong bất đình, từ dục dưỡng nhi thân bả t
đãi : Cây muôn lặng mà gió chẳng dừng, con muôn nuôi
mà thân chẳng đợi,

TRẺ CẬY CHA, GIÀ CẬY CON

Đạo trời vay trả mới vuông tròn,
Trẻ cậy cha, già lại cậy con.
Cỏ dựa hơi xuàn thêm mát mẻ,
Thung nhờ bóng quế khỏi thon von. (1)
Trăm năm che chở ơn trời bể,
Muôn kiếp xoay vần nợ nước non.
Độc lập tự do ngoài cảnh cửa,
Vào nhà xin giữ thời phương ngôn.

KHÔN NGOAN ĐỐI ĐÁP NGƯỜI NGOÀI GÀ CÙNG MỘT MẸ CHỜ HOÀI ĐÁ NHAU

Khôn ngoan đối đáp với người ngoài,
Một mẹ xin gà chớ móc xoi.
Thà để cao tay khi chạn lúa,
Nỡ nào bôi mặt lù loi chơi. (2)
Cậy vườn (3) còn lăm trang ganh tiếng
Bươi bấp (4) xin chừa thói phải toi. (5)
Máu mủ anh em xin chặm dạ,
Câu thi « ngự võ » hỡi còn soi. (6)

- 1) Linh thung nhứt chi lão, đơn quẻ ngũ chi phượng : Cội thung một cây già, quẻ đỏ năm cánh thơm, là nói cha già con đã hiển vinh. 2) Gà một nhà bôi mặt đá nhau. 3) Chó cậy nhà gà cậy vườn. 4) Gà ganh nhau tiếng gáy. 5) Gà mình bươi bấp mình. 6) Lay quoy như gà phải toi. (6) Kinh thi : Huỳnh đệ huých vu tường, ngoại ngự kỳ võ : anh em đá nhau phía trong vách, ngoài thì chống lại những người khinh mình.

BAO ĐỜI DÌ GHÊ CÓ THƯƠNG CON CHỒNG

- Bông lau muôn kiếp mọc đầy đường, (1)
Dì ghê con chồng mấy kẻ thương.
Gối sếu chân le vợ vương vẩy, (2)
Cha gà mẹ vịt chít chiu thương. (3)
Đội đầu tám lớp quên giềng cả, (4)
Khác máu hai đời giữ thói uơn.
Liếm cả lá đường trông sạch quẹt, (5)
Cũng vì bánh đúc cứ không xương. (6)

SỢ VOI AI SỢ CÚT VOI

- Su sụ như voi chỉ sợ thầy,
Nào ai sợ cút tự xưa nay ?
Hai ngà vàng vẩy lờng kiềng thí,
Một bãi bề sề cẳng đà ngay.
Gùi lượt lá tre đà vắng mặt, (7)
Xác tàn bã mía cũng tràn thây. (8)
Cút trâu cút ngựa còn cao giá,
Thôi chớ bay hơi thúi vũng này.

- 1) Mẹ ghê của ông Mãn-Tứ bắt ông ấy bận bông lau, mà con đề thi cho bận lụa là. 2) Cát chân siêu nời cẳng le le. 3) Cha gà mẹ vịt chít chiu, bao giờ dì ghê nâng niu con chồng. 4) Bát mâu, trong tám mẹ, mẹ ghê đứng hàng ba. 5) Con không cha ăn cơm với cá, con không mẹ liếm lá ngoài đường. 6) Bao giờ bánh đúc có xương, bao giờ dì ghê mà thương con chồng. 7) Một ông quan võ làm bài thi vịnh con voi có câu rằng :

« Nhấp nhem con mắt tưởng là chết,

Nhận nùi lá tre nuốt nghe ào ».

- 8) Tục ngữ : Theo voi ăn bã mía.

QUẾ GỪNG CÀNG RỤI CÀNG CAY

(Xem bài 278)

Quế gừng bằm tính tự xưa nay,
Càng rụi bao nhiêu vị lấm cay.
Mấy lạng sành da ăn xé lưỡi,
Đôi chằng lỏng ruột bằm tê tay.
Trải bao ưa thích ơn trời rộng,
Nhóm bết tinh ba của đất dày.
Danh vọng càng cao kìa những kẻ,
Gian nan trăm lổ chắt càng đầy. (1)

GIẬN CON RẬN ĐỐT CÁI ÁO

Người đời ít óc khéo nhiều gan !
Giận rận sao đem đốt áo tan ?
Một đực nhám lung khêu máu nóng,
Cả trảng thíp thịt phú tro tàn.
Ong tay mình chuốc khòn hờn trét, (2)
Cổ máu ai sinh nở vạ tràn. (3)
Nhưng thói vá quàng nên bỏ tất,
Đầu ai chí ấy chớ làm càn,

GIÁ CAO CHÉM THẤP

Bán buôn học cách múa gươm trần,
Khi giá thì cao chém thấp lần.
Tốt lưỡi đưa lên chừng mấy thước,
Non tay hạ xuống chỉ vài phân.
Khôn hay đỡ vót không vương mũi,
Dại cứ trông theo phải đứt gân.
Thói tục dao dùi sâu thấu thịt, (4)
Khó toan phá đầu, bẻ luôn cân. (5)

- 1) Quế gừng càng rụi càng cay, càng cao danh vọng càng dày gian nan. 2) Nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà. 3) Máu sinh tật, đất sinh cỏ. 4) Mũi dao, mũi dùi, ý nói nhỏ. 5) Lão Tử : Hủy đầu chiết cân, nhi thị, giá bình, nghĩa là phá cái đầu bẻ cái cân, tự nhiên giá chợ công bình.

CHA MẸ HAY NÓI OAN, QUAN HAY NÓI HIẾP

Nói oan nói hiếp tự xưa nay,
Cha mẹ cùng quan tính vẫn hay.
Yêu dẫu trăm đường quên giả thiệt,
Hồ đồ hai miệng bỏ gian ngay.
Sinh con thì dễ sinh lòng khó,
Bắt trái còn sưa, bắt mặt dày.
Bổ tỉnh vua nhà đừng nhận lộn, (1)
Rủi thì hùm dữ túm ăn vày. (2)

GIÀU VÌ VỢ, SANG VÌ BẠN

Xưa nay trong thế cuộc giàu sang,
Vợ, bạn hai bên cậy mọi đường.
Rỡ cửa, rực nhà nhờ nét tảo, (3)
Thêu may, vẽ mặt dựa hơi lan. (4)
Gà hay gáy sớm nên gia-đạo, (5)
Mèo khó khen đuôi khắp thế-gian. (6)
Tiền của công danh đều muốn cả,
Nào ai chọn đá biết tìm vàng. (8)

- 1) Quan là bỏ mẹ dân, cha là vua nghiêm trong nhà. 2) Tục-ngữ : Hùm dữ không ăn thịt con. Sách Tấu gọi quan dữ là ngọa hổ, nghĩa là con hùm nằm. 3) Nét tảo là nói vợ giỏi. 4) Hơi lan là nói bạn hiền. 5) Bài kê mình trong kinh-thi nói : Vợ hiền gà gáy đã gọi chồng dậy làm việc. 6) Mèo khen mèo dài đuôi. 7) Chọn đá thử vàng, là nói chung cả bạn hữu và vợ chồng.

ĐI VOI VỀ VOI, ĐI NGỰA VỀ NGỰA

Xây vòng đàng thể chẳng xa gì,
Voi ngựa về sao bởi lúc đi.
Ra ngô bành yên rằm rộ thể,
Lại nhà dẫu móng rõ ràng y,
Bắn nghề có kẻ thân tăng trái, (1)
Ơ ải như ông Mát lạ chi, (2)
Dưa đậu xưa nay ăn đã chán, (3)
Về Tàu để cút có bao khi. (4)

- 1) Sư Tẩu có tích voi đến ơn, có một anh nghề bắn giỏi lắm, một bữa cấp cung tên lên núi để bắn, ngồi nghỉ dưới gốc cây ngủ quên. Thức dậy thấy một con voi đứng chực bên mình. sợ lắm. Hồi lâu thấy bộ hiển lành mới biết không hề gì. Một chốc thấy voi lại bóng anh ta bỏ lên lưng, cứ đàng đi mãi. Đến chỗ thấy voi lớn voi nhỏ nằm một đồng, bảy voi thấy anh ta tới, coi bộ mừng lắm. Con voi lớn quỳ chân cho anh ta bước xuống, rồi lấy vòi kéo anh ta, lấy mắt ngó trên cây, làm bộ như muốn cho anh ta leo lên cây đó. Anh ta chẳng hiểu tí gì, nhưng thấy nó làm vậy cũng hiểu nó muốn cho mình leo. Anh ta leo lên ngồi trên cây. Hồi lâu thấy một con thoan nghề (cũng loài sư-sử) thật lớn, đi tới chỗ voi nằm, lựa con béo. Bảy voi nằm thíp thíp chẳng dám cựa cựa. Anh ta biết ý voi vương lấy nạn con này, nên cầu mình cứu đây. Lấy cung tên ra nhắm ngay con thoan-nghe bắn một mũi trúng ngã lăn ra đó. Bảy voi mừng lắm, xúm ngó trên cây, rồi cúi đầu làm như cảm ơn, đến khi anh ấy xuống đất, con voi lớn đi rước anh ta khi trước, lại bóng anh ta để lên lưng cứ đường đi. Đi tới một chỗ để anh ta xuống đó. Lấy hai chân trước đào đất: một chút thấy lối lên một đồng ngà voi thật nhiều (vì voi thấy ngà thì lấy đầu một chỗ, xưa nay người đi núi không ai được ngà voi thay). Con voi lấy mắt ngó anh ta như tưởng muốn anh ta lấy đồng ngà đó. Anh ta lựa ngà tốt bỏ một bó, rồi voi bóng anh ta và ngà bỏ lên lưng đem về.
- 2) Một ông ở gần cửa ải gọi là Tái-ông (nghĩa là ông ải) mất cả bảy ngựa, bà con đến thăm ông, ông nói « thể mà phúc

HỌC TRÒ HỌC TRỎ HỌC TRỎ HỌC CHƯA HAY CHỮ ĐÃ LO VẾT NỒI

Học trò học trỏ khéo lỏi thời,
Học chữ chưa hay khéo vết nôi.
Nghĩa đã quên đâu giao lại sách,
Cháy còn dính đó để cho tời.
Mực không thấm ruột hèn cha chả, (5)
Lo đã vừa mồm xấu lắm ôi.
Đốt đặc bao đời hoàn cán xuống,
Lấy vung đập mặt để ra đời.

THIỆT VÀNG KHÔNG SỢ CHI LỬA

Nấu đốt cao tay mặc thử thành,
Nếu mà sợ lửa thiệt đâu vàng.
Mười phần chẳng chút pha hơi bạc,
Trăm luyện nào hề núng sức than.
Tuy chưa can tương khôn rõ mặt,
Dầu cho sắt đá cũng kiên gan.
Lò đời còn lắm cơn nùng nảo,
Chì, thiếc kìa ai khéo giữ giàng,

cũng có ». Đền sau bảy ngựa về lại giỗ về được một bảy tốt lắm : người con ông lựa một con cỡi chơi, làng xóm tới mừng. Ông ấy nói : « Thẻ mà họa cũng có » Được mấy lâu người con ông bị té ngựa gãy tay, làng xóm thăm. Ông ấy nói : « Thẻ mà phúc đức cũng có ». Được mấy lâu, giặc ở ngoài ải đánh phá vào, quan quân thua, vua truyền lệnh con nít trong nước mười bảy tuổi trở lên phải đi lính cả. Ông ải chỉ có một người con trai đó nhờ gãy tay mới được ở nhà nuôi cha, Tàu hay nói : « Tái ông thất mã họa phúc an tri » là thẻ. Chúng qua đặc qua, chúng đậu đặc đậu (trông dưa được dưa, trông đậu được đậu). Ý nói ở lành gặp lành, ở dữ gặp dữ. 4) Voi ngựa về Tàu cắt để lại cho ta. 5) Sách Tàu : Hung vô thâm mặc, nghĩa là ruột không thâm mực, ý nói người dốt.

CON QUẠ NÓ ĐỪNG BÊN SÔNG
NÓ KÊU : « Ồ MẠ ! MÃ ĐỪNG LẤY CHỒNG BỎ CON

Tiếng chi gico giắt ở bên sông ?
Tiếng quạ con kêu mẹ lấy chồng.
Bến cũ vẫn vợ người vớt thịt, (1)
Ở xưa đành đoạn lữ đâm lòng.
Tha mỗi sún trả lăm ghi giá,
Kết cánh cao bay thật nở lòng
Chiu chít thân này còn khá khá, (3)
Lùm gai gió thổi ngán ngao trông. (4)

- 1) Tích bên Tàu, Miêu ông Ngũ-tử-tư ở bên sông Tiền đường, có một bầy quạ rước khách đưa khách, đi qua khách hay vớt thịt cho ăn. Có một anh học trò thi rớt về, lỡ đàng vào miếu nằm, chắt luôi, chim nuôi chim bao thầy thần gả cho người vợ về giòng quạ, tên là Trúc-Thanh. Sau tỉnh dậy đi về, khoa sau thi đậu. Đi qua bên đó, vớt thịt cho quạ ăn, miệng vái thầm : Con nào là Trúc-Thanh thì đồ lại, đừng bay đi. Quạ ăn rồi bay đi cả. Tồi nằm chiêm bao thấy Trúc-Thanh về. Nói bấy giờ đã thành thần, qua ở miền Hán-Khẩu, mới trở về thăm đây, nghe chị em nói có anh trở lại đây, có hỏi thăm đến tôi, nên tới thăm anh. Sau kết làm vợ chồng có cho anh ấy cái lột quạ ; khi nào muốn đi thăm chị ấy, mặc lột vào, hóa ra quạ, bay tới nơi, cỗi ra hóa ra người ta. Tích nầy dài lắm. Đây nói tắt vừa hiểu thê thôi. 2) Từ ô phản phổ, nghĩa là quạ lảnh sún mỗi lại cho mẹ. 3) Khá khá là tiếng quạ kêu. 4) Trong kinh thi có một người mẹ có bảy người con, bỏ con đi lấy chồng, con thương nhớ mẹ, làm ra thơ Khái-Phong. Thơ rằng : Khái Phong tự nam, xuy bị cực tâm Cúc tâm yêu yêu. Hữu tử thất nhơn, mặc ủy mâu thị cù lao. Nghĩa là gió non từ phương nam, thổi kia lòng cây gai, lòng cây gai thơ thở. Có con bảy người, chưa thỏa mẹ cực khổ.

ĐÔNG THẦY THÚI MA

Trăm việc nên hư quyết một tay,
Xưa nay ma thúí bởi đồng thầy.
Ngày giờ rỗng rảnh lăm đưa miệng,
Gió máy ruồi lằng bỏ trời thầy.
Chè rượu chén anh rồi chén chú,
Hương trầm tiền chủ để tiền thầy.
Bà con cô bác xin lo liệu,
Chết sống đừng trông mảy lão này.

LẤY THÚNG ÚP VOI

Sù sù ra đẩy lón như voi,
Quen thói toan đem thúng úp hoài.
Khuây lại bứt vành không chỗ nức,
Giấu sao kín cổng mắt công toi.
Che mồm thiên hạ tay khôn xiết,
Đầy mắt nhơn gian miệng vẫn lời. (mẹo)
Bồ bịch nong nia thòi phui sạch.
Họa chẳng thấy thóc cũng co vôi.

ĂN MÀY NHỜ KHI CHÁY CHỢ

Bắt nhơn chi lăm lư mày ơi,
Chợ cháy còn bay cũng khuấy hơi.
Trời đất hỡi ôi đâu mặc kệ,
Nước non cứu chữa trời thầy đời.
Lờ mờ nước đục cò no nóc,
Tan tác nhà cháy quỉ phá rồi.
Phút chốc lửa tàn đâu lại đây,
Lăng xăng trùm tới đánh văng còi.

RUNG CÂY NHẤT KHÍ

Chú khí dù đưa chót ngọn cây,
Hỡi ai dung đẩy ? nhát ai đây.
Lung lay rần sức choàng tay vượn,
Dọa dầm nướng hơi già mặt cây.
Trối kẻ trên này ngồi giỗ dít,
Mặt bay dưới đó đứng hành thây.
Thôi đi cho khỏe đừng trơ tráo,
Nói lảm thêm mang tiếng rút giây.

ĐẬP NƯỚC LẤY CÁ

Nào ai giận gửi nước non đời,
Đập đánh không qua lấy cá thời.
Bốn mặt nhọ rầm làm nổi sóng,
Hai tay vơ cả mặt mây trời.
Trăng vàng tuôn chạy chưa người chập,
Cò cóc đua theo cũng khuấy thời.
Rút chốc đây ơi, tuôn cuốn vó,
Sòng trong bể lặng mặc đua bơi.

CHUÔNG CÓ ĐÁNH MỚI KÊU ĐÈN CÓ KHÊU MỚI TỎ

Đèn tỏ chuông kêu tiếng gọi là,
Có kêu có đánh mới thành ra.
Thử thò dùi đến vang trời đất,
Vừa nhúng tay vô rạn cửa nhà.
Miếu vắng ba hồi vầy lớn nhỏ,
Đèm khuya một ngọn chói gần xa.
Những vai nâng vác tay cầm đuốc,
Có ngộ gian nan mới biết ta.

RÁN SÀNH RA MỠ

Mỡ đời muốn vết sạch sành sanh,
Góm ghiếc cho quân rán miếng sành,
Lắm thuở đựng nhiều hơi cá thịt,
Già tan kiếm chút lúc rêu canh.
Chày chưa hết nước tay còn nung,
Lã mới nên hồ mặt chứa danh.
Mấy miếng tốp thừa đừng vớt vội,
Để tau khéo nức bẻ nên lành.

ĐÈN NHÀ AI NẤY TỎ

Gió lọt vì chung mở cửa ra,
Dễ dầu ai tới tỏ đèn nhà.
Khêu nên vầy vá lưng chừng đấy,
Sáng chỉ lảnh quanh mắt chúng ta.
Xó ngõ vành sân khôn cận kẻ,
Dòm rào cách vách hơi sai ngoa.
Thời đừng đom đóm làm nên đuốc,
Bóng rí thêm nhiều miệng sủa ma (1)

GÀ MÌNH BƯƠI BẾP MÌNH

Bếp sao vầy vá khéo bươi tung ?
Chưa dễ gà ai tới bếp ông.
Lúa thóc no điều củ cúp mãi,
Tro than ngựa cẳng khéo đào vung.
Lạy ông tảo lăm nên quen chóp, (2)
Vắng chủ nhà lâu dễ mọc lông. (3)
Tréo cánh nếu không toan nước trước,
Còn ba mối chỉ cũng lòi bùng. (4)

- 1) Tục ngữ : Chó sủa bóng đèn. Chó sủa ma. 2) Tục : Mới mua gà về đem lạy ông tảo rồi mới thả ra. 3) Vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm. 4) Gà vương ông chi.

CON KHÔNG CHA ĂN CƠM VỚI CÁ CON KHÔNG MẸ LIỄM LÁ ĐÀU ĐƯỜNG

Không cha, không mẹ thử so lường :

Đẩy cá cơm, kia liếm lá đường.

Đụng cột mặc dầu no ói họng, (1)

Như gà thối đã đói phơi xương (2)

Lòng từ tợ bể hay chằm chút,

Phương nghĩa tày non khéo đỡ dương.

Năm bảy kia ai trông đẩy thử, (3)

Miệng chung thiên hạ để làm gương.

NGHÈNH NGANG NHƯ LÀNG KHÔNG XÃ

Kìa đây trông xem thiếu xã làng :

Chưa chi đã thấy lắm nghênh ngang.

Tờ bởi triện mộc rương niêm chặt,

Mỹ tố mảy tau nước khóa tràn.

Cá lưá loi choi khôn thể lớn,

Chuột bày lúc nhúc khó nên hang.

Cho hay muôn việc không chuyên chủ,

Một nắm con con cũng dở dang.

NƯỚC LỤT CHỖ NGỒI GIÀN GÁT

Kìa trên giàn gát ối chao ôi,

Nước lụt nền chi chó nhảy ngồi.

Rủ nhịp khóa tràn đòi thước đẩy,

May thì chò hồ mấy tầng còi.

Liếm chân liếm dít xăn vắn mãi.

Trông dưới trông trên nhón nhác thôi.

Ít bữa mần cơm đâu lại đẩy,

Roi mây quất tưới nhảy cong đuôi.

- 1) Con không cha cứ cột nhà mà đụng. 2) Con mất mẹ chiu chít như gà. 3) Trai năm thê bảy thiếp.

MÈO LÀNH AI NỖ CẮT TAI CÁI NGOAN CHỒNG ĐỂ KHOE TÀI NỒI CHI

Mấy thừa mèo lành nỡ cắt tai,
Gái ngoan chồng để khéo khoe tài.
Nằm bờ ỉa bếp xoang tay chủ,
Nát đá phai vàng hổ mặt trai.
Mặc sức khen đuôi nghe đã lắng,
Bao nhiêu tốt miệng mệo thêm lời
Nồi rang bẻ nát khôn trông lại, (1)
Ngọc ngoét còn đem thúng úp voi.

NÀNG DÂU LÀ BẦU DỰNG CHƯỚI

Tượng thếp lòng thiêng lắm chực châu, (2)
Làm bồ dựng chươi chỉ nằng dêu.
Bói đào trăm món tràn trề đầy,
Ướt ráo hai chân trút đổ dêu. (3)
Mình ốc nên cam mang cả cọc,
Đầu tầm hầu dễ tránh trăm dêu. (4)
Đầy vàng rúng rẩy, nâng niu khách, (5)
Lòng tục khôn lường bể cạn sâu. (6)

- 1) Con mèo làm bể nồi rang, con chó chạy lại mà mang lấy đôn. Sách Tấu : tặng di phá hủy, cồ chi hà ích. Thí dụ : việc đã hư rồi, tiếc cũng không ích. Hai điển hòa lại một.
- 2) Mẹ chồng là lông chim phượng, Chạ chồng là tượng mới tô, Nàng dêu là bồ dựng chươi 3) Dâu mới về nhà chân ướt chân ráo. 4) Trăm dêu cũng đổ đầu tầm 5) Con gái là khách qua đàng, con dêu là vàng bỏ đầy.
- 6) Lòng sâu hơn bể.

BẮT CÁ HAI TAY

Hai miệng khôn ngoan tự thuở nay, (1)
Nền chi bắt cá cũng hai tay.
Giếc, rô muốn cả khôn cân chẹn, (2)
Trái, mặt vợ luôn hết dỡ hay.
Láo liến dầu lòng cò đục nước,
Quơ quàng hết cách khỉ leo cây.
Loi chơi một lứa trông đầy thử,
Nhón nhát phồng mang chết cả bày.

NƯỚC LỤT BÈO KHỎA SÉT TRÊN SEN

Cảng chum chi đầy lũ bèo hèn,
Nước lụt dầu sen cũng khỏa trên.
Sóng phủ đôi lần chìm búp lá,
Gió đưa mấy cụm choảnh tai bèn.
Bao nhiêu trời nổi càng lên mặt,
Biết mấy thơm tho phải cuốn kèn.
Ít bữa cạn ao bèo đến đất,
Sông cao mười trượng vẫn hoàn sen.

SÂU AO BÉO CÁ, ĐỘC DẠ HẠI MÌNH

Lễ đời sắp ngửa một hàn tay,
Sâu dạ sâu ao thử sánh tày.
Nước tợ sông giang mè sượng vẩy, (3)
Lòng như chằm cá rần sanh di. (4)
Cao thâm càng dễ dung nhor bụi,
Oan trái bao nhiêu lắm đắng cay.
Hiềm giảo thói người nghe dấy thử,
Ao đừng để cạn, dạ bày ngay.

- 1) Chữ quan hai chữ khẩu. 2) Tục ngữ : Cá rô cũng tiếc, cá giếc cũng tham. 3) Ở Bắc có nhiều cá mè. 4) Thâm sơn đại trạch; long xà sanh yên. Núi sâu chằm cả, rồng rắn hay sanh ở đó.

ĐỐI CHO SẠCH, RÁCH CHO THƠM

Đối rách xưa nay vẫn thế thường,
Cho thơm cho sạch lắm người thương.
Muối rau giữ phận lòng băng tuyết,
Chài lưới che thân dạ quả cương.
Nước khuấy lộn bùn nên quá đục,
Trầm vùi đến đất hãy còn hương.
Sa chân sẩy bước کیا ai đẩy,
Soi thử gương chung miệng giữa đường.

TRĂNG LU VÌ BỜÌ CHÙM MÂY (1)

Thân trăng sao đến nỗi lu này ?
Ghét bỏ gì nhau vậy hơi mây ?
Ôm tấm gương trong khôn tỏ vẻ,
Trách vùng áo trắng vụng vằn xây. (2)
Sông ngân bóng lấp cầu trâm nhịp,
Cung quang lồng riêng quế một cây.
Ai rẽ đôi ta nên cách trở ?
Cũng vì bà nguyệt vụng xe dây.

THẦN THỂ ĐỒNG TIỀN, OAI QUYỀN THÚNG THỐC

Cõi tục nào ai có « thể quyền »,
Không qua thúng thốc với đồng tiền.
Bay mùi tanh nghĩ hèn thêm khiếp, (3)
Khỏa mặt đầy vụn đối phải kiềng.
Chim nước Tây sang càng quỉ quái, (4)
Chó làng Nhữ sữa cũng thần tiên. (5)
Thử xem trước mắt người thiên hạ,
Đệ nhất nhà quan, nhị chủ điền.

- 1) Hai ta cách trở vì dây tơ hồng 2) Thiên thương bạch vân như bạch y, tu du hốt nhiên vị thương cầu : mây trắng trên trời như áo trắng, giây phút đổi lại làm chó xanh : nói thói đời thay đổi quá mau.

XUI NHAU LÀM PHÚC, KHÔNG AI GIỤC NHAU ĐI KIẾN

Xui giục xưa nay phải lựa đường,
Phúc thì trọn vẹn, kiến thì hoang.
Thà khuyên trút hất vào am Phật,
Nỡ chọc lòi đùm tới cửa quan. (6)
Bể khổ nhiều đồ mau đổ bến,
Lò tiền thêm củi tổn toi than. (7)
Lòng người càng xuống càng sa sút,
Xui phúc nào ai ? Xui kiến tràn,

CÒN CHỖI LÊN CÂY

Mặc ai đốt phá mặc lung lay,
Nếu hầy còn chỗi chác có cây.
Mười thước cổ sâu chưa nhúc nhích,
Trăm vùng trước nảy lại sum vầy.
Mưa nhuần nắng ấm chừng đời lúc,
Cột cả rường cao chẳng mấy ngày,
Cuộc thế xây vờn trông trước mắt,
Lão Tiều còn đó, núi còn đây.

- 3) Sách Tẩu : Có người đem tiền lo làm được quan. Hỏi người nhà rằng : « Thiên hạ đàm luận thế nào ? Người nhà nói : « Thiên hạ chỉ hiếm mùi đồng tanh lắm thôi ». 4) Lúc Tây mới qua nước ta, đem qua rành bạc con chim. Hỏi tôi mới hăm lăm tuổi ở tỉnh Quảng-Nam có một ông quan tỉnh muồn lật mấy câu phong dao. Ngài yết-thị trước cửa rằng : Ai có biết những câu như câu : « Voi ăn trong rú trong rì, voi ra uống nước voi đi giữa đường » thì viết gởi cho ngài. Có anh học trò để rằng : « Chim ăn ngoài bể ngoài khơi, chim bay vào tỉnh chim rơi xuống tào » 5) Chó làng Vê sủa ra chữ, chó làng Nhữ sủa ra thóc. 6) Khôn ngoan tới cửa quan thì biết. 7) Cửa nhà là « Tiêu kim lư » Nghĩa là cái lò tiêu vàng, mây cũng hết cho.

ĐAU TIẾC THÂN, LÀNH TIẾC CỦA

Đau lành thói tục khéo lẩn dần,
Tiếc của đà quên lúc tiếc thân.
Rên rĩ đuổi hơi cần tí mạng,
Vui cười cửa cạnh sên từng phần.
Mồ hôi cực đã bao khi đổ, (1)
Máu mủ đồng tiền lắm lúc thân.
Một nén trầm hương trời Phật chiếu :
Thân trăm tuổi khỏe, của muôn phần.

XUÔI BUỒM THUẬN GIÓ, CHÉN CHÚ CHÉN ANH LÊN THẮC XUỐNG GÀNH, CẶT TAO DÁI TỜ

Xuôi buồm thuận gió chú rời anh,
Cặt dái gây nhau lúc thác gành.
Ềm ái rượu chè mời dịu ngọt,
Ngược dòng miệng lưỡi đổ phui phanh.
Tánh say thói tục lùm mây bạc,
Sâu hiểm lòng người đáy bể xanh.
Một chiếc thuyền trần khôn đẩy cạm,
Biết bao giờ đỗ bến trong thanh ?

CẠN AO BÈO ĐẾN ĐẤT

Cách đất bao lâu thứ lũ bèo,
Rời đây ao cạn cũng sa theo.
Nước tù hết kiếp khôn lên mặt, (2)
Bùn lấm vương tai khéo lộn phèo.
Dựa cá mang chung cơn vạ gỏi, (3)
Khô sen bỏ cả thói chơi treo. (4)
Mặt bèo xiêu giạt trăm người chộ,
Lật được bao nhiêu chỉ vớt theo.

1) Đã có lúc đổ mồ hôi. 2) Nước ao tù. 3) Cháy thành vạ cá, 4) Nước tràn bèo khôa trên sen.

LÒN CỬA TIỀN CỬA HẬU : AI LÒN CHỖ GIÀU CHỖ CHUI

Cửa tiền cửa hậu, chỗ lòn vui,
Mấy thuở ai lòn chỗ chó chui.
Đóng mở đường hoàng thà cúi trán ;
Ra vào ồm thùm chẳng theo đuôi.
Khách ra chuồng ngựa còn danh giá, (1)
Bọm gặp sắn gà khó tới lui (2).
Luồn lọt xưa nay quen nết tục,
So đo hơn thiệt khéo lời thôi.

- 1) Trong sách « Cổ văn có bài thượng hạ tương phu ». Nói hết cách thói xấu người đời đi luồn lọt quan trên. Tôi không nhớ được cả bài, xin nhắc một ít mà nghe: « Người đời muốn cho mình có danh giá; tư nhà sắm xe ngựa cho rầm rộ; đi chỗ đề đô. Lạ một hai ông lòn có tiếng giàu sang, đánh hơi tới ngõ. Đút tiền cho tên lính canh cửa rồi xin dâng cái danh thiệp vào rồi nói xin cho tôi vào trong đặt chực hầu quan lớn. Nó không cho. Năn nỉ năm mười lần, đút tiền thêm cho nó; sau nó mới cho vào ngõ. Vào rồi nó chỉ cho đứng chỗ chuồng ngựa. Ruối muối thúi tha mây cũng phải cứ đứng chực mãi. Đèn chiếu chẳng thấy gì. Tôi phải ra về. Sáng mai tới thật sớm, lại gõ ngõ: Thằng lính canh hỏi: « Ai » « Thưa tôi » — « Tôi tới làm gì bây giờ? Quan lớn hồi giờ đã chịu tiếp anh à? ».

Nói rồi trợn mắt dữ dần sây mặt bước vào.

— « Thôi thưa cậu lỗ ra, biết làm sao giờ, nhà làm ơn cho tôi vào một tý ». — « Không »

— « Thôi thưa cậu có ít lương đây, xin cậu cầm lấy để uống rượu lây thảo ». — « À chừng này đã toan vào được cửa này à ».

— « Tôi còn ít lương đây xin cậu cầm mua thuốc » Thằng lính mở cửa cho vào; vào lại đứng chỗ cũ bữa qua. Cứ tôi ra sớm vào, làm như thể hoài; lần nào cũng phải mặt tiền đút cho tên lính, ước vài mươi bữa may ra mới được quan lớn đòi ra mắt. Thôi mừng hết lớn; soạn sửa quần áo, nhắm trước nhắm sau, rồi đội mâm lễ vào, rất đồ quý giá. Bước tới dưới thêm; lạy cúi đầu sát rạt một hồi lâu mới ngóc đầu lên: « Trăm lạy quan lớn con xin dâng lễ mọn ». Quan lớn tâm nhận rồi, nhưng cũng còn làm cách sang: « Thôi lễ nghĩa làm gì cho thấy lạy » Lại lạy cúi đầu sát rạt: « Trăm lạy xin quan lớn nhận lễ mọn; làm như vậy đôi ba lần, quan lớn bảo lính: « Thôi thấy đã có lòng thành thấu cho ». Rồi chỉ cho ngồi một bên khém, cho một chén trà hỏi vài câu chuyện rám. Một chốc lại lạy bốn năm lạy cúi đầu sát rạt rồi lui ra. Quan lớn quay lại nói với người nhà: « Thấy đó tao coi bộ cũng khá; người ấy chả biết gì, thấy quan lớn khen cũng hết dạ theo ít câu. Còn anh ta ra khỏi ngõ giờ con rồi thật cao. Thấy những anh em quen đi đường xa: « Kia ai dân đó? Mình mới ở trong nhà Cự lớn ra đây, chà cự lớn tử tế với mình lạy ». 2) Túi

tăm rúi phải sắn gà, bọm đã biết bọm thì tha nhau cùng.

**TIỀN VÀO NHÀ KHÓ,
NHƯ GIÓ VÀO NHÀ TRỐNG**

Tiền vào nhà khó có lâu nào,
Nhà trống y như lúc gió vào.
Vớ được giọt nào tiêu giọt nấy,
Thổi lườn đàn trước thấu đàn sau.
Nát gì bụi cỏ còn đầu kiếm, (1)
Dính mấy chà gai sẵn đầy quào. (2)
Gặp vận gió đưa liền ruột hẳn, (3)
Mặc ta cổng kín lại tường cao.

**DÃ TRĂNG XE CÁT BỀ ĐÔNG,
NHỌC MÌNH MÀ CHẲNG NÊN CÔNG CÁN GÌ**

Nhọc mình chi lắm dã tràng ôi ?
Xe cát xưa nay chẳng thấy rồi.
Tháng lộn năm qua cả cụm đầy,
Bãi dài sóng cả tạt xô bồi.
Mượn hồn Tinh-Vệ thù cho bể, (4)
Hóa kiếp Ngu-Công chống với trời. (5)
Cuộc thế tang thương đầu đã chắc, (6)
Thân này xin hỏi bạn cùng người.

- 1) Rớt đồng tiền kiếm nát bụi cỏ. 2) Nhà gai quào không dính. 3) Thời lai phong tông Đàng vương các; vận khứ lời oanh tiền phước bi: Thời lại gió đưa tới các đàng, vận đi sét đánh tan bìa phước. 4) Tích sách Tàu: có một cô con vua đi qua bể. Sóng phủ chìm thuyền. Khi người ấy sắp chết thể lập cho được bể. Sau chết hóa ra con chim Tinh-Vệ, cứ tha đá lập bể. 5) Lại có người thiên hạ gọi là ông Ngu, nhà ở trong núi. Bước ra cửa bồn phía núi dựng cả, khó đi quá. Ông ấy thể hết sức đào cho bằng cả mây hòn núi. Khi ông ấy đương đào một người đi qua nói: « ông nấy lẫn ». Núi thể nấy mà một mình ông đào sao cho bằng nổi? Ông ấy trả lời rằng: « Tao đào hết đời tao rồi đời con đào, hết đời con rồi cháu đào, cứ đào mãi hết đời này qua đời khác, mà núi chỉ chừng này, không sanh thêm nữa, lẽ nào chẳng bằng. » Nói rồi cứ đào. Sau trời thấy ông bền gan chắc dạ thế kia cũng động lòng: Sai Thiên lôi thần tướng xuống đánh mây hòn núi làm cho bằng cả. Chưa mãn đời ông ấy mà cái ý nguyện ông đã thoả. 6) S.ch. Trang Tử: Trong ba mươi năm trong trời đất có chỗ bể hóa làm nên ruộng dâu, có chỗ ruộng dâu hóa ra bể.

ĐÁNH CHÓ KIÊNG CHỦ NHÀ

Chó kia nhón nhác giẽ người chà !
Đánh nó vì kiêng tí chủ nhà.
Toan miểng nắm đuôi tay quất xuống, (1)
Nể lòng quen nặt mát trông ra.
Ý hơi trời lựt tăng ngồi gác, (2)
Mang tiếng th n nưong phải cậy gia. (3)
Liếm mặt nhiều lần rồi có bữa, (4)
Run như xây lửa mới ghê ta. (5)

CHỌN ĐÁ THỬ VÀNG

Xưa nay bạc thiếc lộn nhơn gian,
Chọn đá nên toan để thử vàng.
Khác núi mưon trang giời chắt ngọc, (6)
Nhảy lò khỏi nổi tổn công than. (7)
Trong tay vương tắc nên cầm chặt,
Ngoài mặt xuy pha đủ thạo tràn.
Chạm đá ghi vàng tình nghĩa nặng,
Lúa đôi bè bạn chó vơ càn.

- 1) Lạc đường nắm đuôi chó. 2) Trời lựt chó lên ngồi gác.
3) Thân cây cây gia, cây gia cậy thân. 4) Giỡn chó thì chó liếm mặt. 5) Run như chó sây lửa. 6) Tha sơn chi thạch, khả di công ngọc : lấy hòn đá núi khác mà đổi được ngọc 7) Sách Trang-Tử nói : Con người trong trời đất như vàng mà thợ đưng nấu trong lò : để muốn đồ cái gì mặc thợ. Nếu vàng mà nhảy đứng ở trong lò, đôi phải làm cái nấy, cái khác, thì thợ cho là vàng yếu càng phá cho hư thêm.

CHỖN ĐÈN ĂN QUEN MẮC BẦY

Nực cười nhón nhác chú chồn đèn,
Mắc bầy vì hay giữ thói quen.
Hốt nhịp lần đầu mong đồ mãi,
Rủi thì kệp cổ ngó vàng ghen.
Cắn đuôi hết trí đưa mày mốc, (1)
Đậy mặt khoe khôn phải vận đen. (2)
Hóa kiếp đầu lươn quen sút mép,
Bạo ăn còn giữ xuáy hư hèn.

MIẾNG ĂN LÀ MIẾNG TỒI TÀN, MẮT ĐI MỘT MIẾNG LỘN GAN LÊN ĐẦU

Miếng ăn gặm, thiệt miếng tồi tàn,
Mắt miếng trên đầu đã lộn gan.
Khỏi hòng vài phân tiêu xuống bát,
Hụt mồm bầy lá ổi lên tràn.
Treo mồi miếng cộp khôn vor lại, (4)
Hóa kiếp thân tôm cứ gắp càn. (5)
Thấy béo mặc lòng hiềm óc đục,
Ruột gan đầu nũa lủ tham xan. (6)

- 1) Tục truyền : chồn đèn cắn lộn với rắn hổ, cứ lựa cắn đầu đuôi. Rủi phải rắn hổ cắn nhầm, thì vào bụi tìm thuốc chữa hết liền. Lành rồi cắn lá cây nhai vào miệng, ra phun rắn thì rắn trun lại, chồn cắn chết tươi. Ai gặp như vậy rình coi, rồi ăn cắp lấy lá ấy để xức rắn cắn hay lắm. Nhưng xưa nay chưa thấy ai được. 2) Tục truyền : chồn đèn muồn bắt gà con, lấy hai chân trước đậy mặt lại ngồi thẳng lên, giả làm khúc cây khô. Gà con chạy lại mổ, chồn chụp ăn. Tục truyền : lươn lâu năm hóa ra chồn đèn. Nói : người đào giếng thấy con lươn cái đầu đã hóa đầu chồn đèn, đã mọc lông rồi. Nhưng không nên tin là thiệt. 4) Thịt treo miếng cộp. 5) Con tôm gan ở trên đầu. 6) Tham xan là ham ăn.

CON GÁI LÀ KHÁCH QUA ĐƯỜNG. CON DÂU LÀ VÀNG BỎ DÂY

Xưa nay con gái khách qua đường,
Cứ lẽ con dâu thiệt dây vàng.
Vỏ lửa quay ra người trọ quán ; (1)
Tiền treo đem lại cửa dần dương. (2)
Rày mai xách nón đi nèn ghét, (3)
Ngày tối làm bò đưng khá thương. (4)
Thế tục nhiều nhà hay mắc lận,
Vàng phai mắt giá khách toan lường.

TIẾNG LÀNH ĐỒN XA, TIẾNG DỪ ĐỒN BA NGÀY ĐÀNG

Lành vốn đồn xa mấy chặn đàng,
Ba ngày tiếng dừ cũng đồn vang.
Miệng đời khen ngợi khôn ngân đón,
Lưỡi tục chê bay khéo lẹ làng.
Chẳng mượn cánh chim bay khắp cả, (5)
Khó đem chân ngựa kéo về ngang. (6)
Đền nhà một ngọn muôn nhà tỏ, (7)
Tốt xấu khoe che khó nổi càn.

- 1) Tục ta để con gái quay vỏ lửa trở ra. 2) Tiền treo heo cưới. 4) Con gái nuôi lớn cứ xách nón đi. 4) Nàng dâu là bỏ đưng chười. 5) Ngón vô dực nhi trường phi : lời nói không cánh mà bay xa. 2) Tứ bát cặp thiệt lờ miệng nói ra, ngựa theo không kịp. 3) Đền nhà ai nầy tỏ.

ỚT ĐẦU CÓ ỚT KHÔNG CAY GÁI ĐẦU CÓ GÁI KHÔNG HAY GHEN CHỒNG

Ớt đầu có ớt lại không cay,
Thối gái ghen chồng tự thừa nay.
Đã dính tên tiêu thì sé lưỡi, (1)
Trót mang kiếp liễu phải chau mày. (2)
Quế càng rui mùi so kém,
Đào mạn đương xuân lụy nhỏ đầy.
Đỏ trắng đầy dàng ai chớ mó ;
Rui thì xoang mắt khóc liền tay.

KẺ ĂN MẮM, NGƯỜI KHÁT NƯỚC

Mắm mặn bao nhiêu nước lạt tanh,
Kẻ ăn người khát khéo bông chanh.
Ai rơi vỏ quýt tay vợ sạch, (3)
Mình đứng bờ ao hóng ráo quanh. (4)
Thiên hạ nhiều rau còn lắm nổi, (5)
Thế gian chưa cạn đảng bao anh. (6)
Mùi đời trảy trét xưa nay vậy ;
Mướng lụt mắng nhồi lắm ghê ganh.

MA CŨ HIẾP MA MỚI

Quái gở gì đầu một lủ ma,
Cũng toan cũ mới hiếp nhau cà.
Mồ hoang cỏ lạn quen hơi cáo, (7)
Năm rớt hương tươi quáng mắt gà. (8)
Lựa mặt lâu năm hồn đã thạo, (9)
Chông đầu ít bữa miệng chưa già. (10)
Xoáy hư đến chết không chưa hẳn,
Tích trảm mang theo mấy kiếp xa. (11)

- 1) Rơi vỏ quýt ăn mắm rươi. 2) Má đào mày liễu.
3) Ớt Tầu gọi là tiêu. 4) Khát nước đứng bờ ao. 5) Nhiều rau đậu mắm. 6) Uống nước không chưa. 7) Bên Tầu mồ mả lâu năm thì cáo hay đào lỗ ở trong đó. 8) Loáng quáng như gà mờ cửa mã. 9) Mả bắt lựa mặt người ta. 10) Người mới chết hóa ra quỷ, quỷ chết hóa ra tích, tích chết hóa ra trảm ; (Sách tầu).

NHẤT NHẬT TẠI TỪ, THIÊN THU TẠI NGOẠI

Dầu ai tại ngoại đủ thiên thu.
So lại không qua nhất nhật từ.
Một bữa Văn-Công xoang vân Tống, (1)
Hai lần bánh Tổ trải đời Chu. (2)
Cửa nhà mấy thước vùng trời đất,
Tối sớm trăm vòng cuộc bể dâu.
Thông thả co tay ngồi tính thử,
Thần tiên chưa dễ sánh ta đâu ? (3)

NHỨT QUẬN CÔNG, NHỊ KHÔNG NHÀ

Sung sướng hơn gian dạng mấy cà,
Quận công thứ nhất nhị không nhà.
Vong điều sớm tối châu đèn quế,
Tay trắng chiều về ngủ gốc đa.
Vạc nước chuông vua còn chán đó,
Màn trời chiếu đất mặc dầu ta.
Cuộc đời dầu bể xoay vần mãi,
Bạc nhất còn lo, nhị vững chà !

THỊT CHUỘT THÌ ÍT, CON NÍT THÌ NHIỀU

Chà chà con nít ở đâu nhiều ?
Thịt chuột sao cho phát đủ đều.
Lúc nhúc hàng bày sào mấy tí, (1)
Lao nhao mũi váng chực bao nhiêu ? (2)
Cùng sào vuốt dạng đuôi quân quỉ, (3)
Hụt dũa xong đầu miệng lũ yêu.
Mèo chực inở treo khôn thể dẫu, (4)
Lôi thời ngang họng nuốt không tiêu.

- 1) Rớt đời nhà Tống, nhà Nguyên vào lấy nước, bắt ông Văn-Công làm quan ; không chịu làm, bắt bỏ tù tại Yên-Kinh.
- 2) Ông Bành-Tổ sanh đời nhà Thương, sống đến đời nhà Chu hơn 500 tuổi. 3) Thần tiên sống lâu không chết. 4) Chuột bày đào chằng nên hang. 5) Con nít chưa sạch váng mũi. 6) Chuột chạy cùng sào. 7) Mỡ treo miệng mèo.

COI GIÓ BỎ BUỒM

Người đời lèo lái thạo như cơm, (1)
Coi gió lăm le chực bỏ buồm.
Liếc mắt gần xa hơi thuận ngược,
Giay tay trái mặt chốc chiều hôm.
Khôn lường biển thẳ lòng sâu cạn,
Khéo giữ thuyền ta ngọn bắc nồm.
Đành đoạn cạm sào toan ngủ hên,
Trối van mặt khách đứng cạm mồm.

CHẾT ĐUỐI VỊN BỜ

Thùi thụt thối đời lăm hững hờ,
Làm như chết đuối muốn vin bờ.
Chang ban một bụng hờn man mát,
Chới với hai tay mặt khùng khờ.
Cách đất vài gang toan với cỏ,
Bỏ đời chín suối chỉ chờ giờ.
Bến sâu ma dữ không mong sống,
Bạc mạng còn ai vớt đặng ờ ?

Chầu rày sanh đẻ đã rồi,
Bồng con ra ngồi coi thử giống ai.
Cái đầu thì giống ông cai,
Cái lưng ông lý cái vai ông trùm.

Màn cử xem con thử giống ai,
Vai trùm, lưng lý, thiệt đầu cai.
Ngày no tháng chán ưa nhìn nhỏ,
Cha lộn chồng chung nhớ mả mai.
Cứng cỏi lột khuôn sừng sỏ nạo,
Công mang in dạng chớp coi dài. (2)
Lớn lên tổng xã chung bồng ẩm,
Thềm thịch thềm tiền chán thấy khoai. (3)

- 1) Tục ngữ : thạo như cơm bữa. 2) Giỏ có quai chài có chớp.
3) Dấu cho ông lý ông cai, ăn cơm no bụng thầy khoai cũng
thèm Lại có tích giễu : Anh trùm ra việc làng, dặn vợ :
« Trưa có gọi về ăn thì gọi rằng về ăn cơm, đừng gọi về
ăn khoai mà dên sự cười ». Trưa vợ lại ra kêu : « Về ăn
cơm kéo dê con nít lựa hết củ lợn đi giờ ».

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG, COI TRỜI BẰNG VUNG

Ếc oạc xưa nay vẫn thị hùng,
Coi trời đáy giếng nhỏ bằng vung.
Vàng khè chệt ệt ngong tròn chảo,
Xanh ngát yêm liềm kín miệng vung.
Phềnh bụng nhái kêu đà thẩu chóp, (1)
Nghhiễn rần cộc giận cũng nèn giông. (2)
Lớn lao chi đó toan che đậy.
Gặp thuả mưa dào nhảy bể tung. (3)

MÈO KHEN MÈO DÀI ĐUÔI

Mặt mũi ngêu ngao dễ mấy ai,
Xem đi xem lại mõ đuôi dài.
Lươn khò vuốt thử còn non tất, (4)
Rắn lại đo chơi khéo quần nài. (5)
Lúc xán nời rang ngong lểng nghễnh, (6)
Khi nằm bò lúa vắt lòi thòi.
Không hay bắt chuột hay nằm bếp,
Dị tướng như ta ắt có tài.

- 1) Rất cao chi có ông Trời, nhái kêu còn thẩu huồng chi lời em.than. 2) Câu thơ cóc :

Chíp miệng đẹp yêm muôn chúng kiền,
Nghhiễn rần chuyển động bốn phương trời.

- 3) Ếch gặp chỗ mưa dào. 4) Vuốt lươn đầu đuôi. 5) Rắn quần đuôi, mèo theo cái. 6) Con mèo xán bẻ nời rang, con chó chạy lại mà mang lấy đòn.

LỢN BƠN MÉO MIỆNG CHÊ TRAI LỆCH MỒM

Trai kia mồm lệch lắm người chê,
Méo miệng lợn bơ cũng ngửa nghè.
Méo mó mặc lòng mình vẫn khá,
Xẹo siên trái mắt đẩy nèn ghè.
Thấy mình nghĩ khó tìm tì vít,
Mũi miểng ai sanh khéo nhún trề.
Thối tục còn nhiều câu trác tréo ;
Kìa lợn với chạch nữa tề tề.

LƯỜN VẦN CHÊ THẠCH DÀI

Thà thướt thân lơn xấu đủ bề,
Cớ chi thấy chạch lại còn chê.
Yêm liêm mình chỉ vài gan chẵn,
Gớm ghiếc ai cho mấy tắc tề.
Mát tục lù mù đeo vầy gớm, (1)
Lười đời lát léo uốn mềm ghè.
Cá tôm còn lắm mồm ngoe ngoét, (2)
Lặng lặng nghe chơi mấy tiếng lề.

TRÂU GIÀ THAN THÂN

Thấy tau ốm yếu dễ trâu già,
Trẻ nhỏ như bay chưa biết ta.
Đàn tục gãy tai còn thừa nghé, (3)
Ách đời mang cổ tự thì cha. (4)
Nhiều người hốt cút mua lên ruộng.
Lắm kẻ theo đuôi tạo nổi nhà.
Tuổi tác ngày chiều rơm cỏ ít,
Đền ơn chẳng tính, tính cặng da.

- 1) « Đeo vầy » có lẽ viết sai nên sửa là « lơ lênh » 2) Miệng
lười hàng tôm hàng cá. 3) Đàn gãy tai trâu. 4) Ách giữa
đàng mang vào cổ.

TRÂU CỘT GHÉT TRÂU ĂN

I

Trâu cột chàng ràng đứng thỉ thẩn,
Kìa kìa coi thử bộ trâu ăn.
Mình còn đói nháu teo hông thở,
Nó đã no nê vênh mặt tràn.
Ruồi muỗi dễ đầy đe, khuấy rối,
Qua cò theo đó xúm giữa nhăng.
Thời đừng ngó ghé toan nghênh mỗ ;
Giật theo tao ra đặng ngã lăn.

II

Con ăn con cột hỏi vì đâu ?
Nên nổi xui trâu lại ghét trâu.
Đây đói xếp ve còn sở mũi,
Nó no kênh cổ lại nghênh đầu.
Ruồi lằng dễ lại khôn vằng vầy,
Cỏ quạ đem theo khéo chực châu.
Nhăn nầu cười ai mồm ngó ghé ?
Rồi đây sút cộc sẽ xem nhau.

RỒI CHẠY NỒI RANG CŨNG CHẠY

Chạy chi vội vã chú nồi rang ?
Rồi chạy xưa nay vẫn thế thường.
Ai nấy lo ươn lên lúp xúp,
Tôi đây sợ trẻ phải lang thang.
Ít nhiều đã biết tùy đồng vốn,
Buôn bán ai không kiếm mỗi hàng.
Đã vậy hai ta vậy một lũ,
Xin đừng sẩy cẳng chó hôi mang.

CÓC CÓ GAN, NHÁI CŨNG CÓ GAN

Chú cóc lồi thoi khéo giện càn !
Nhái đây tôi cũng có buồng gan.
Chọc trêu dùng choảnh đòi mảy mốc,
Ngứa ngứa ai không bầy lá bàng.
Nghĩến cả hai hàm tuôn sấm dậy,
Kêu chơi một tiếng nhẩy mưa tràn.
Nào ra nhẩy thử ai cao thấp,
Mỏ quắp da sồi khéo dỡ dang.

GÀ CỒ ĂN QUẦN CỐI XAY

Mặc ai rúng rẩy, mặc trầm trở,
Quần cối xay, đây giữ thói cồ.
Lắm lúc trần thân đi xó rổ,
Rủi thì trật họng ních hồ đồ.
Cẳng chân lỏng nhông khôn bươi bếp,
Lông lá cùn trơ khó nhẩy bờ.
Vườn rậm rẫy xa đèn cáo dữ,
Chẳng cho ăn đấy biết ăn mô.

ĂN MÀY CHỜ CƠN CHÁY CHỢ

Lạ lòng chi đấy thói ăn mày :
Chợ cháy nhờ cơn thao thả nay.
Xin xỏ đêm hôm còn nể mặt,
Khỏa trần nước lửa để ra tay.
Đục ao nhón nhác cò mùng nước,
Ngã đám nghênh ngang quỉ phá chay.
Cô bác bà con đừng trách móc,
Chúng tôi sung sướng đợi bao ngày ?

XE GIÂY BUỘC MÌNH

Thế tục nhiều người gãm trớ trêu :
Xe giây mình trở buộc vào mình.
Giữ gìn chắc đã sẵn con cái,
Hở hết hay đầu đổ mới manh.
Miệng lưỡi còn đây không chỗ gỡ,
Tay chơn trơ đó phải ngồi khoanh.
Lưỡi trời còn lăm cơn sưa nhặt,
Kẻ tóc chân tơ khéo hớ hênh.

HÀNG XÓM CHÁY NHÀ BẰNG CHƯN NHƯ VẠI

Kìa đâu xóm cháy mấy hàng nhà.
Chân vại bàng trơn dễ rúng cà.
Chạy chữa bốn bề coi nhúc nhúc,
Ngồi yên một chỗ vụng cha chà.
Rủi may trời mặc đèn nhà nấy, (1)
Tuồng chạm chỉ đâu bát sóng ta. (2)
Mai một rủi thì van chối chết,
Bà con sao khéo bắt nhờn à !

DẠY KHỈ LEO CÂY

Sâu hiểm lòng người gãm đắng cay :
Kìa ai còn dạy khỉ leo cây ;
Một bày láo liển khôn bâu hót,
Lắm kẻ lắm le khéo thợ thầy.
Vớ cả bốn tay còn gọi gỡ, (3)
Vạch từng cái lá chưa cho hay. (4)
Thôi thôi xin bớt mồm khuôn rập,
Đến lúc dòm nhà mới biết thầy. (5)

- 1) Đèn nhà ai nấy tỏ. 2) Bát đề một sông không tuồng cũng chạm. 3) Vớ cả bốn tay thêm hai tay. 4) Vạch lá tìm sâu. 5) Nuối khi dòm nhà.

RA ĐƯỜNG HỎI ÔNG GIÀ VỀ NHÀ HỎI CON NÍT

Già trẻ xưa nay tính thật thà,
Hỏi han phải biết lúc vào ra.
Lỡ chừng hỏi lẽo tìm trang cụ ;
Gạy mỗi buồng khe cứ lủ la,
Đầu bạc trải mùi hay cặn kẻ,
Miệng hôi lau lược dễ dò la.
Ở đời giắt ít câu lẽ lối,
Khỏe lúc đường xa, rẽ nổi nhà.

THƯƠNG THÌ TRÁI ẦU CŨNG TRÒN GHÉT THÌ BÒN HỒN CŨNG MÉO

Xưa nay cũng « ầu » cũng « bồn hòn »,
Thương ghét vì đâu đổi méo tròn.
Méo xẹo xem ưa lòng cũng thích,
Bầu xinh trông chán mắt thêm chồn.
Côi đời đã khó phân xinh xấu,
Lòng tục càng thêm lộn dở ngon.
Trái đất méo tròn còn lắm miệng,
Đâu gia bắt quá sự con con.

KHUẤY LÃ LÊN HỒ

Tay trắng làm nên có, dễ mô !
Khen ái khéo khuấy lã lên hồ.
Múc chừng non bát còn trong trẻo,
Đánh mãi già tay cũng đặc khô.
Lựa phải tổn công thêm tổn bột,
Đâu là không giềng lại không hồ.
Vắt chày rán miếng càng mang tiếng,
Nước荡漾 bao lu, mở mấy bờ !

GẦN MỰC THÌ ĐEN, GẦN ĐÈN THÌ SÁNG

Người sao đại dột, kẻ khôn cà ?
Gần mực gần đèn bởi tại ta.
Quần mai ao nghiêng lòng cũng đục,
Giữa kẻ cột liễu mặt thêm hoa.
Chàm xanh khó đổi mùi bùn giở, (1)
Đốm nhòang sau nên bỏ đuốc lò. (2)
Trong trẻ kia ai nghe đẩy hủ !
Lọ đèn rán chịu, mực chừa xa.

VỢ CHỒNG KHÔN DẠI, ĐÓNG CỬA DẠY NHAU

Đã gọi xưa nay đạo vợ chồng :
Đại khôn đóng cửa dạy nhau trông.
Nghách song tai vách toan gìn giữ,
Kẻ tóc chân tơ mặc cạn cùng.
Mũi đại lái mang thuyền mới vụng,
Đèn ai lấy tổ gió rung khôn.
Thối đời còn lắm người thờ kịch,
Miệng lưỡi, tay chân, cửa mở tung !

THEO VOI TRÔNG ĂN BÀ MÍA

Nực cười lắm kẻ chạy theo voi,
Nhón nhác trông ăn bà mía hoài.
Đeo đuôi ước chừng trò choác móng,
Thải thừa nào thấy cụ ngời vôi.
Đói tìm tàn đóm thêm lơ lảo, (3)
Khát chực bì mo gặm thiệt thời. (4)
Đi cẳng dễ đâu về ngựa vôi, (5)
Còn toan mượn cứt để làm oai (6)

- 1) Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam : nghĩa là phẩm xanh ở chàm mà ra mà lại xanh hơn chàm. Ý nói học trò hơn thầy. Trước dóm dóm sau ra bỏ đuốc. Ý nói việc trước nhỏ sau to. 3) Theo đóm đóm ăn tàn. 4) Không có cho đẩy bì mo, có đâu mà cho miệng dài. 5) Đi voi về voi, đi ngựa về ngựa. Sợ voi ai sợ cứt voi.

ĐỒ VỜI QUÁN ĐẦY

Ra đường nên thạo tiếng lẽ đời !
Bỏ chiếc đồ đầy tránh quán vơi.
Rộng rãi thừa khoang toan lựa chuyển,
Nghênh ngang chật khánh cứ tìm nơi.
Sớm không mấy bước nên chờ đợi,
Tối lại dòng tay để nghỉ ngơi.
Biết mặt tự nhiên rồi hiểu trái,
Kỵ đồ đầy ngoắt quán lưng mòi.

MĂNG NON MÍA GIÀ

Ăn uống người xưa thạo lắm mà,
Măng ăn non nót mía ăn già.
Trọc vôi nhờn dịp còn ôm bẹ,
Mưng mọt chờ khi đã rụng hoa.
Mặc sức canh rau giòn hết thế,
So mười đường kẹo ngọt đâu nà.
Thói đời lắm kẻ mồm què kịch,
Măng để lên cây mía bẻ nha.

TRÂU CHẾT MẶC TRÂU, BÒ CHẾT MẶC BÒ, CỦ TỎI GIẤT LỪNG

Trâu bò thiên hạ chết lừng lừng,
Củ tỏi ta đây cứ giắt lừng.
Sáu súc còn năm đầu trời kể, (1)
Năm tân giữ một để phòng chừng. (2)
Căng da chẳng lẽ căng xương thịt,
Kiểm muối không lo kiểm sả gừng.
Cứu chữa dầu ai, dao chực sẵn,
Mùi đời cay đắng gớm ghê nhưng.

- 1) Lục súc là sáu giống súc : ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo.
2) Ngũ tân là năm món cay : hành, tỏi, tiêu, gừng, quế.

QUYỀN CỎI ĐÁ, VẠ RƠM KHỔ

Thử cân « quyền » « vạ » gó-m ghê thòi,
Bên cỏi, bên rơm, khéo vác luôi.
Tay nắm một khiêng vằn chẳng chuyển,
Chân sa hai ngón xách như chơi.
Trối thầy chó liếm mồn bao thuở, (1)
Mặc sức trâu ăn ghét thiết đời. (2)
Lơ đễnh rủi thì rơi đóm lửa,
Gần rơm lóm lém cỏi tan rời. (3)

QUAN LÀ CHA MẸ DÂN

Cha mẹ thương con nhất thế gian,
Ai đem hai chữ tặng nhà quan ?
Oai quyền bậc nhất tay ôm cả,
Nuôi dạy gồm hai gánh nặng tràn.
Thiệu Đổ lâu ngày bia đá mồn, (4)
Trần linh lăm thuở bóng cây tàn. (5)
Không thương vì bởi con không đẻ,
Hùm dữ càng hay ních thịt càn. (6)

- 1) Chó liếm cỏi đá không mồn. 2) Trâu cột ghét trâu ăn. 3) Lửa gần rơm không cháy cũng lóm lém. 4) Trong sách Tàu : Hai ông ấy thương dân như con. Dân gọi là « cha Thiệu » « mẹ Đổ ». 5) Trần linh là hai thứ cây tốt bóng, người ta hay nghỉ mát dưới đó. Trong kinh thi có câu : Nghiễn hữu trần, hữu linh, khái đề quân tử, dân chỉ phụ mẫu. Nghĩa là cao thì có cây trần, thấp thì có cây linh, vui thuận người quân tử kia chính là cha mẹ của dân. 6) Hùm dữ không ăn thịt con. Lại Tàu gọi quan dữ là quan hùm nằm.

CƠM KHÔNG LÀNH CANH KHÔNG NGON

Nhen lửa vì ai nhóm bếp này ? (1)

Cơm canh đến nỗi dở ình đây.

Chán chường tợ úng mùi rơm lém, (2)

Lênh lênh như xao bát nước đầy. (3)

Vung méo nổi tròn khôn úp kín, (4)

Rau nào sâu nẩy khéo sâu bấy. (5)

Hột cơm cắn bẻ quên canh lạ, (6)

Đũa chẳng chia hai chén chạm rày. (6)

ĂN THUNG NGỒI DƯỚI GỐC THUNG ĂN RỒI LẠI VẢI TỨ TUNG NGŨ HOÀNH

Ăn thung sẵn gốc cứ ngồi thung,

Trái chửng ăn rồi vải tứ tung.

No bụng chán mồm nhớ bóng mát,

Hoa tay múa cẳng đỏ hơi khùng.

Không rào cây ấy còn trù bõn, (8)

Chẳng nhớ người trồng lại níu lung. (9)

Phụ bạc mùi đời chua chất góm.

Còn trông ăn táo giúp cho cùng. (10)

- 1) Đồi ta như lửa mới nhen, như trăng mới mọc như đèn mới khêu. 2) Lửa gần rơm không cháy cũng nhóm lem. 3) Ở với nhau như bát nước đầy. 4) Nổi tròn úp vung tròn, nổi méo úp vung méo. 5) Con sâu làm rầu nổi canh. 6) Cắn cơm không bẻ. 7) Đồng tiền chiếc đũa chia hai. 8) Ăn cây nào rào cây ấy. 9) Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. 10) Ăn táo rào thung.

ĐẦU DÙI CUI, ĐÍT THỐT THỊT

Đời xưa lý-trưởng sướng chi nào ?
Thốt thịt đùi cui khổ đít đầu.
Đánh đục đánh sãng tro chịu mãi, (1)
Ngọn roi ngọn vọt biết bằm đầu ? (2)
Mấy phân mắc đóng mòn hơn cán,
Hai thước mây ram sắc quá dao.
Cui thốt đời nay coi đắt giá,
Lắm người mang bạc lạy đi cầu.

TRÂU QUÈ THƯỜNG TRÂU LÀNH

Trâu què hớ hết chẳng coi ra,
Bất báo trâu lành đất góm ga.
Độ thử hai sừng cân cả cặp,
Đau vì bốn cẳng thế cho ba.
So hơn tính thiệt mười phần lỗ,
Rủi mất may còn một bộ da.
Củ tôi giắt lưng đành bỏ thôi, (3)
Con ăn con cột trời thầy cha. (4)

CÂY CAO THÌ PHẢI GIÓ LAY

Lạ gì thói gió tự xưa nay,
Hễ thấy cây cao chỉ muốn day.
Thẳng vóc sồ sà hay cứng cỏi,
Xóc luồng tức tối cứ lung lay.
Coi bướm khách thạo ghê nương bóng, (5)
Né ná chim hèn sợ dính dây. (6)
Nồm, bắc trời thầy ra sức thổi,
Cột rường trăm thước hỡi chờ ngày.

- 1) Dùi đánh đục, đục đánh sãng. 2) Churn lý-trưởng là đầu roi ngọn vọt. 3) Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò, củ tôi giắt lưng. 4) Trâu cột ghét trâu ăn. 5) Coi gió bỏ bướm. 6) Sách Tàu : Chim kinh ná thầy cây cong cũng lánh xa.

NGƯỜI CAO THÌ PHẢI ĐĂNG CAY TRĂM CHIỀU

Trong thế bao nhiêu nỗi đắng cay :
Người cao phải chịu vốn xưa nay.
Nể Tông, nét trúc thân vin tới,
Vị bá, hơi cương, miệng nhắm giầy.
Cửa tọc ra vào khôn cúi trán,
Mùi đời ngọt lạt chẳng thò tay.
Bực này ai muốn đem so sánh,
Trăm thước cây cao bị gió lay.

LỢN LÀNH CHỮA LỢN TOI

Nhón nhác khoe tài để đấy coi :
Lợn lành rồi lại chữa ra toi.
Lòng ngon cầm chắc tiền như ngó, (1)
Tay vụng thò vô cửa đã hòi. (2)
Gà chết quên hỏi thầy bỏ mang, (3)
Trâu què bắt báo thợ trơ vôi. (4)
Một lần nước mặn già nên tồn. (5)
Đò dọc năng đi chắc phải tài. (6)

- 1) Coi mặt mà đặt hình dung, lợn kia có béo thì lòng mới ngon. 2) Tay vụng mà thiên heo cái. 3) Thấy phù thủy không đến mạng gà. 4) Trâu què thường trâu lành. 5) Một lần mà tồn đến già, đừng đi nước mặn mà hà ăn chân. 6) Thợ hoạn đi đò giọc. (Đi đò giọc đến chỗ nước ngược thì bộ hành phải ra mà kéo. Người khác có gánh gồng để trong đò có rán sức mà kéo cũng không thiệt, anh thợ hoạn chỉ có một cái que giắt trong mình, cũng phải nai lưng mà kéo, nên tiếng tục mới nói thế).

CÀNG CAO DANH VỌNG CÀNG DÀI GIAN NAN

Trời già chực sẵn gánh giang nan,
Danh vọng bao nhiêu cứ trút càn.
Hai chữ họ tên muôn miệng ngợi,
Trăm vành cay đắng một thân mang.
Cây suôn trăm thước tư mùa gió,
Vàng đúng mười phân nặng kiếp than
Càng rụi càng cay càng đắt giá,
Xưa nay gừng quế ở nhân gian.

THẢ VỎ QUÍT ĂN MẮM RƯƠI

Thối đời xảo quyết găm buồn cười,
Vỏ quít đem lường đĩa mắm rươi.
Dày súc rơi tay tro dầu móng, (1)
Thơm tho chực ngón xía mũi đời.
Ít nhiều chung vốn tiền bao ná,
Mặn lạt thềm lòng của mấy mươi.
Vật giá dễ nào phân quý tiện :
Mắm ăn khát nước quít thông hơi.

ÔNG NÔNG NGÃ SẮP, BỎ CẦU ĐÁ DẬP

Lớn lao chi đấy thứ bờ câu !
Ngã sắp ông nông cũng đá đầu.
Cao cẳng rủ thì xoang trật guốc,
Thấp chân thừa thế thạo chơi cầu. (2)
Lạy chừa chẳng sợ quân dài mỏ, (3)
Đi kiện không lo sự vỡ đầu. (4)
Kiến cá nhiều lần còn khích bác, (5)
Xưa nay hai chú dính gì đầu.

- 1) Vỏ quít dày móng tay nhọn. 2) Chơi cầu là đá cầu. 3) Chim chích mà ghẹo ông nông, đến khi nó mỏ lạy ông tôi chừa.
4) Trời mưa nắng hai cẳng đánh nhau, đánh nhau vỡ đầu, bỏ cầu đi kiện. 5) Khi cá ăn kiền, khi kiền ăn cá.

**ANH MÀ CÓ VỢ XIN THÈ,
BA MƯƠI, MỒNG MỘT, CHỜ HÈ THẤY TRĂNG**

Có vợ xin thề với bóng trăng,
Ba mươi, mồng một, thấy không trăng.
Chỉ tơ chót vương chùn bà nguyệt,
Tết nhút đừng trông mặt chị hằng.
Đám trẻ trời hành đêm năm đức,
Giòn con quỷ buộc tối chong đăng.
Trên trời dưới đất nghe van vái,
Vàng đá lòng anh bậu biết chăng ?

THẰNG CHẾT CẢI THẰNG KHIÈNG

Ma mới chưa chi đã lăm thiêng,
Kìa nghe thàng chết cải thàng khiêng.
Trông chừng mặt hậu đòn tre hồng,
Ngó thẩu trên quan bát nước triêng.
Lốp vải lốp săng khôn dậy được.
Chùn cao chùn thấp khó nằm yên,
Còn trên miệng lỗ bay đừng dễ,
Lắp đất không xong chờ trả tiền.

**ÔNG THẦN CẬY CÂY DA,
CÂY DA CẬY ÔNG THẦN**

Ông thần lăm thuở cậy cây da,
Lăm thuở cây da lại cậy ta.
Bóng ngả sum sê nhiều kẻ nể,
Miếu không vắng vẻ ít ai qua.
Dựa nương có chỗ hương đèn tốt,
Đốn phá không lo nhánh lá già.
Thần giữ oai thần, da giữ gốc,
Nhờ nhau trăm kiếp chờ lìa xa.

TỐT MÃ GIỄ CÙI (1)

Xưa nay thiên hạ dễ ai đui,
Tốt mã ra chi thứ giễ cùi.
Đuôi cánh phủ phê lông rục rờ,
Miệng mồm vầy vá căng phanh phui.
Trau tria tỷ mỷ cho xanh mắt,
Ăn uống lời thôi chẳng biết mùi.
Càng lắm khoe khoang càng lớn tiếng,
Quạ đen ác vá mặc bụi hùi.

MÈO MẢ GÀ ĐỒNG

Mua bán làm chi ớ, các ông !
Sá chi mèo mả với gà đồng.
Mai chiều méo má khuôn thành lạn,
Ngày tháng bươi quào đám cỏ không.
Bồ chẳng ai nuôi, nằm chạ mãi, (2)
Sàn không chủ chứa, ngũ lạng cùng.
Chớ ham rẻ giá toan ki cốp,
Xán bể nời rang, bếp phá tung. (3).

LÊN NON TÚC MỘT TIẾNG CÒI, THƯƠNG CON, NHỚ VỢ, LỆNH DỜI PHẢI ĐI

Nhớ vợ thương con dạ nặng trĩ,
Lên non còi túc lệnh đòi đi.
Ba quân hiệu giáp nghe vang cả,
Hại mỗi tình sâu rẫy sá chi.
Non nước trót vương cơn biến loạn,
Cửa nhà đành chịu kiếp phân ly.
Gươm thiêng một lưỡi anh từ già,
Giọt máu anh hùng lụy nữ nhi.

- 1) Tiếng tục Bắc-kỳ : Ý nói lông lá hết chỗ đẹp, ăn cứt như ác là loài quạ. 2) Mèo nằm bồ lúa khoanh đuôi, anh thua cờ bạc đuôi ruối không bay. 3) Con mèo xán bể nời rang, con chó chạy lại mà mang lấy đòn. Gà mình bươi bếp mình.

BAO GIỜ BẮT ĐẶNG THĂNG KHÔI, LẤP THÀNH GIA ĐỊNH CHỒNG TÔI ĐƯỢC VỀ

Vì ai nên nổi chực chồng tôi,
Gia Định kinh vua cũng bởi Khôi.
Chém lấy đầu người trời trợ thuận,
Khỏa bằng mã nguy lính ban hồi. (1)
Đền xong nợ nước cơn chia xé,
Thỏa cả tình nhà bạn lứa đôi.
Ly biệt hơn gian cam khổ nhứt,
Đầu thai đừng hóa kiếp lời thôi. (2)

CHA CĂNG CHÚ KIẾT, CHẠY BIỆT LÊN RỪNG

Cha chú nhà tôi thiệt chiết chẳng,
Lên rừng chạy biệt cứ lảng nhãng.
Da tươi tiền cạnh gia truyền sẵn, (3)
Miệng thạo chữa lành lối rẽ phăng.
Thối thợ nghề buồn con cháu giữ, (4)
Đón đàng lật gánh thuở nay hằng.
Động đèo cô bác khôn tung tích,
Giống nó đời nay hỏi lăm thằng.

- 1) Lúc Triều Minh Mạng bắt được Lê Khôi, rồi giết hơn vạn người, phá thành Gia Định chôn lấp dưới thành khóa bằng gọi là mã nguy. 2) Trong Lục Tỉnh mắng nhiếc người ta có câu nói là : Mã nguy đầu thai. 3) Căng da thì chiết cạnh đồng tiền. 4) Thợ căng da trâu buồn chiết cạnh tiền.

RỒNG VÀNG TẮM NƯỚC AO TÙ NGƯỜI KHÔN Ở VỚI NGƯỜI NGU BỰC MÌNH

Lắm thuở rồng thiêng tắm nước tù,
Bực mình người trí ở cùng ngu.
Bay trời cánh chếch vùì trôn giếng, (1)
Đạp đất chưa nghiêng lẩn đám mù.
Trùn lộn đầu lòng tòn tép giỡn, (2)
Hùm sa hết thể chó cày bu. (3)
Gió mây có lúc vùng bay bổng,
Rươi khắp ơ mưa gọi chín cù.

CƯỚI ĐI LÀM VỢ, KHÔNG AI CƯỚI VỢ LÀM ĐI

Người đời cưới đi cũng thường tình,
Cưới vợ ai cho thói đi đành.
Lắm thuở tường hoa xe chỉ tía,
Bao đời lầu phụng mở buồng xanh.
Phấn son dễ nhuộm màu đào thắm,
Tơ tóc khôn đua sợi liễu mềm.
Lẽ thẳng xưa nay muôn kẻ hiểu,
Đời này trất trệu một hai anh.

- 1) Long phi tại thiên : Rồng bay trên trời ; Huỳnh long hiện vu
tĩnh Đồi nhà Hán có con rồng vàng rớt dưới giếng. 2) Thần
long thất thể giữ kỳ giãn đổng : Rồng thất thể lộn với trùn ;
Long du thiên thủy tao hà hí : rồng ở cạn bị tòm giỡn. 3)
Hổ lạc bình nguyên bị khuyển khi : cọp xuống đồng bị chó
khinh. Mãnh hổ bắt như quán hổ : cọp mạnh thua bảy cây.

**TAI NGHE SÚNG NỔ CÁI DÙNG,
TÀU TÂY ĐÃ LẠI VŨNG THÙNG BỮA QUA**

Kìa đâu súng nổ đã nghe dùng,
Cách bữa tàu Tây lại vũng Thùng.
Nửa hạt Hòa - Vang rần tiếng sấm,
Mấy ngày Đà-Nẵng đậu buồm bông.
Khóa sơn bắn trả quen nghề trẻ,
Việt hải bay qua chịu phép Ông.
Vịt chữa lên khô lên cũng giỏi, (1)
Bông mai vỏ lửa thị như không.

**LẤY CHI MÀ TRẢ ÁI ÂN,
LẤY CHI MÀ NỘP CÔNG NGÂN CHO LÀNG**

Biết lấy chi chi trả ái ân,
Phần thì làng bắt nộp công ngân.
Đá vàng trơ đáy khôn rồi nợ,
Tiền bạc vợ đâu để rãnh thân.
Ngãi mẹ ơn cha trời đất nặng,
Bán con đợ vợ tháng ngày lần.
Đắp đàng đào suối bồn vàng bể, (2)
Khuấy khoả vì ai khổ kiếp dân.

Câu đối khóc vợ.

Nhà vẫn đã nghèo thay ! nhờ có bà hay lam hay làm, thất
lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân bắc chân nam,
giúp tó đỡ dần trong mọi việc ?

Bà đi đầu vội mảy ! để một lão vất vợ vất vưởng, bới
tóc củ hành, bỏ quần lá tọa, gật gù tay đưa tay chén, cùng ai
kể lẽ chuyện trăm năm.

Câu đối.

Cha con thầy thuốc về làng, xách một gói hồi hương phụ tử
Vàng bạc nhà nông chuộc đất, trồng đôi hàng thực địa kim
ngân.

- 1) Khi Tây mới qua ta dân gian không biết đồn rằng : Tây chỉ
giỏi dưới nước như vịt, lên khô nắm cỏ mà xách. 2) Lấy
chi mà trả ái ân, lấy chi mà nộp công ngân cho làng. Phần
thì quan bắt đắp đàng, đào sông Cu-Nhí bộn vàng
Bông Miêu.

PHỤ - LỤC

Những bài sau đây là những bài chép theo truyền văn, không thấy trong di-thảo, không rõ là có chữ của Cụ như người ta nói không. (Người sao lục).

CON MUỖI (1)

Mình thời gần gần, cẳng thời dài,
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.
Ít sức hay đầu mang nặng núi,
To gan có lúc cần nh'u voi.
Xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng,
Gầy mặt bày ong dạng bất tài.
Mình bạch gấm ra thua nghỉ hết,
Cắn người rồi lại dúi bên tai !

CON RẬN

Mặt mũi làm ri cũng có râu,
Cả đời chẳng biết dựng vào đâu ?
Xôn xao trên mào chưa nên mặt,
Lục đục trong chân cứ giục đ'u.
Khuyết ngứa gầy dân chỉ khác một,
Ra công béo nước chẳng bằng trâu
Khéo sinh trong thế chỉ cho nhộn ?
Có có không không cũng chẳng cầu,

CON TRÂU

Mài sừng cho lăm cũng là trâu,
Gặm giống chi chi thiệt lớn đầu !
Trong bụng lam nham vài lá sách,
Ngoài cầm lém đếm một chùm râu.
Mắc mưu đốt đốt tội bởi chạy,
Lâm lẽ bôi chuồng dón dác sâu.
Nghé nga một đời quen ghé nga,
Trăm dây đồn khảy biết nghe đâu.

CHIM LỒNG CÁ CHẬU

(Làm ở Côn-Lôn)

Chim thời quen núi cá quen sông,
Cắt có sao nên mắc chậu lồng !
Khôn tới khôn lui trong nước túng,
Khó bay khó nhảy giữa trời không.
Quen chừng biển thánh tuồng đuôi ngạc,
Tách dặm non Nam lạc cánh hồng.
Chốn ấy một mai dầu nặng khối,
Chim thời nên phụng cá nên rồng.

IN TẠI NHÀ IN LÊ THỊ ĐÀM
37/40, Phất - Diệm, Saigon
Giấy phép số 1493 / X B
ngày 17-7-61 của H.Đ.K.D. Sg.

Giá Bán : 28 \$